

Số: /QĐ-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận học sinh đoạt giải tại Kỳ thi
chọn học sinh giỏi cấp tỉnh trung học cơ sở năm 2022**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND;

Căn cứ Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 293/QĐ-SGDĐT ngày 08/02/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 925 học sinh đoạt giải tại Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh trung học cơ sở năm 2022, gồm: 38 giải Nhất, 176 giải Nhì, 309 giải Ba và 402 giải Khuyến khích (có danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Học sinh có tên tại Điều 1 được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Phòng giáo dục và đào tạo có trách nhiệm thông báo kết quả tới học sinh và tổ chức việc trao Giấy chứng nhận học sinh giỏi cấp tỉnh trung học cơ sở năm 2022 do Sở Giáo dục và Đào tạo cấp cho học sinh đoạt giải.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Quản lý chất lượng; Trưởng phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các học sinh có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, TCCBQLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Ngọc Sơn

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS
Khóa ngày 23/02/2022

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI
81-Phòng GDĐT Móng Cái

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	81002	TRẦN VIỆT ANH	20/6/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,50	Ba	Hải Yên
2	81005	HOÀNG VIỆT HÙNG	14/12/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,00	Ba	Hòa Lạc
3	81006	AN THỊ THU HƯỜNG	11/12/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	14,00	Ba	Ka Long
4	81008	PHẠM THỊ CẨM LY	20/5/2007	Hà Nội	Kinh	Nữ	9	Toán	12,00	K. Khích	Hòa Lạc
5	81009	BÙI HÀ QUYÊN	08/12/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	14,00	Ba	Ka Long
6	81011	HOÀNG VĂN CÔNG	19/9/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	11,25	K. Khích	Ka Long
7	81015	PHẠM TRUNG PHONG	03/9/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	14,25	Ba	Hòa Lạc
8	81016	LÊ NAM PHƯƠNG	11/12/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Vật lí	15,50	Ba	Hải Yên
9	81018	ĐỖ HOÀNG NGỌC ÁNH	16/12/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	16,50	Nhì	Hòa Lạc
10	81019	LÊ HUY BÁCH	12/8/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	15,50	Ba	Vạn Ninh
11	81020	ĐINH VŨ VIỆT HOÀNG	21/6/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	14,25	Ba	Hòa Lạc
12	81022	ĐẶNG MINH KHÔI	24/01/2008	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Hóa học	13,50	K. Khích	Hòa Lạc
13	81024	LÊ ĐỨC LƯƠNG	02/11/2007	Yên Sơn, Tuyên Quang	Kinh	Nam	9	Hóa học	14,00	Ba	Hải Tiến
14	81025	NGUYỄN ĐỨC MINH	30/01/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,25	K. Khích	Hòa Lạc
15	81028	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	10/01/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	17,50	Nhì	Trà Cổ
16	81029	NGUYỄN HUY ANH	01/11/2007	Hải Dương	Kinh	Nam	9	Sinh học	13,00	K. Khích	Ninh Dương
17	81030	LÝ THỊ HỒNG	11/9/2006	Móng Cái, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Sinh học	13,00	K. Khích	Quảng Nghĩa
18	81031	PHÙNG CAO NHẬT KHÁNH	19/02/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	14,25	K. Khích	Ka Long
19	81032	ĐỖ NGỌC LINH	17/9/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	14,50	Ba	Quảng Nghĩa
20	81033	PHẠM HẢI LONG	06/02/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	15,25	Ba	Hòa Lạc
21	81035	VY NGỌC BẢO NINH	03/12/2007	Vĩnh bảo, Hải Phòng	Kinh	Nữ	9	Sinh học	17,75	Nhất	Hòa Lạc
22	81036	ĐỖ THU THUY	10/4/2008	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Sinh học	16,25	Nhì	Hòa Lạc
23	81037	PHẠM BÁ VIỆT	02/3/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	18,50	Nhất	Hòa Lạc
24	81038	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	29/01/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	15,25	Ba	Quảng Nghĩa
25	81040	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	16/6/2007	Hải Phòng	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	Ba	Hòa Lạc

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
26	81041	TRẦN NGỌC ANH	03/02/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,00	Nhì	Hòa Lạc
27	81042	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	04/8/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,00	K. Khích	Vạn Ninh
28	81043	NGUYỄN THỊ MINH HẠNH	22/01/2007	Ninh Giang, Hải Dương	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	11,75	K. Khích	Ka Long
29	81044	LÊ THỊ THU HUYỀN	03/9/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,00	K. Khích	Hòa Lạc
30	81045	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	11/3/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Nhì	Hòa Lạc
31	81047	LÊ MAI PHƯƠNG	11/6/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,00	K. Khích	Hòa Lạc
32	81048	NGUYỄN THỊ THIÊN THẢO	26/7/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,00	K. Khích	Hải Xuân
33	81049	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	04/5/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,25	Ba	Ninh Dương
34	81050	ĐỖ PHƯƠNG ANH	06/01/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,50	K. Khích	Ka Long
35	81051	HOÀNG THỊ MAI ANH	15/7/2008	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	13,75	Ba	Hải Hòa
36	81053	PHẠM XUÂN DIỆU	02/7/2007	Cầm Phá, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,00	K. Khích	Hải Tiến
37	81057	HOÀNG THU HÀ	16/01/2008	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	14,50	Ba	Hải Hòa
38	81060	LÊ TRÀ MY	13/4/2007	Hưng Hà, Thái Bình	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,00	K. Khích	Hải Yên
39	81069	BÙI THU TRANG	23/4/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,00	K. Khích	Hải Yên
40	81070	VŨ THỊ ÁNH TUYẾT	06/8/2008	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	13,00	K. Khích	Hải Hòa
41	81074	PHẠM KHẮC BẮC	24/9/2007	Khoái Châu, Hưng Yên	Kinh	Nam	9	Địa lí	13,00	Ba	Hải Hòa
42	81076	VI TIẾN ĐẠT	25/02/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	11,00	K. Khích	Hải Tiến
43	81077	PHẠM MINH HẢI	21/3/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	11,50	K. Khích	Ninh Dương
44	81078	VY MINH HẰNG	14/6/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,50	K. Khích	Ninh Dương
45	81079	VI QUỐC HUY	24/7/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	13,50	Ba	Hải Tiến
46	81080	PHẠM THU HUYỀN	15/4/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	13,50	Ba	Hải Tiến
47	81083	ĐỖ THANH MAI	15/4/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,00	K. Khích	Hải Tiến
48	81084	NGUYỄN THỊ THIÊN NHƯ	06/7/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,25	K. Khích	Hải Hòa
49	81086	TRẦN THỊ THANH THẢO	23/9/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	13,00	Ba	Hải Yên
50	81088	VI TUẤN THU	20/10/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	12,50	Ba	Hải Hòa
51	81090	PHẠM QUỲNH TRANG	10/01/2008	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	12,25	Ba	Hòa Lạc
52	81092	PHẠM PHƯƠNG UYÊN	04/7/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,25	K. Khích	Hải Tiến

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
53	81093	HOÀNG TRỌNG VINH	01/02/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	11,00	K. Khích	Hải Tiến
54	81094	LÊ THỤC ANH	16/12/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	11,90	K. Khích	Ka Long
55	81095	NGÔ NGỌC ANH	08/01/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,35	K. Khích	Hòa Lạc
56	81097	PHẠM VĂN HẢI ĐĂNG	14/4/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	14,75	Nhì	Hòa Lạc
57	81099	NGUYỄN BÁ THÀNH	10/3/2008	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	12,15	K. Khích	Hòa Lạc
58	81100	NGUYỄN PHÚ THÀNH	26/3/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,00	Nhì	Hòa Lạc
59	81101	BÙI PHƯƠNG THẢO	04/3/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,80	K. Khích	Hòa Lạc
60	81102	BÙI NGỌC NGÂN THƯƠNG	07/9/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,25	K. Khích	Hòa Lạc
61	81103	LƯƠNG THỊ LAN ANH	28/10/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	15,80	Nhì	Hải Đông
62	81104	NGÔ PHƯƠNG ANH	15/3/2007	Hải Phòng	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	17,80	Nhất	Ninh Dương
63	81105	NGUYỄN THỊ TÂM ANH	05/8/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	15,70	Nhì	Hải Đông
64	81106	VŨ PHƯƠNG ANH	15/12/2007	Ninh Giang, Hải Dương	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	10,80	K. Khích	Ninh Dương
65	81107	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA	23/9/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	14,90	Ba	Hải Hòa
66	81108	ĐINH ANH KHOA	15/5/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	13,05	Ba	Hòa Lạc
67	81109	LƯU KHÁNH LINH	05/8/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Trung Quốc	15,30	Ba	Ka Long
68	81110	MAI KHÁNH LINH	15/6/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	16,45	Nhì	Ninh Dương
69	81111	NGUYỄN KHANH LINH	27/11/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	14,90	Ba	Hòa Lạc
70	81112	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	28/4/2008	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Trung Quốc	13,45	Ba	Hải Đông
71	81113	HOÀNG THỊ NGỌC	13/3/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	12,20	K. Khích	Vạn Ninh
72	81114	TRẦN THỊ ÁNH NGỌC	04/12/2007	Kim Sơn, Ninh Bình	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	16,20	Nhì	Ninh Dương
73	81117	VŨ HỮU THÀNH	10/11/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	11,15	K. Khích	Hải Đông
74	81118	VŨ THỊ THANH THẢO	11/10/2008	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Trung Quốc	13,25	Ba	Ninh Dương
75	81119	TRẦN ANH THU	27/7/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	12,95	K. Khích	Ka Long
76	81120	NGUYỄN MINH TRANG	03/02/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	10,70	K. Khích	Ka Long
77	81124	TRẦN CƯỜNG VỸ	12/11/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Trung Quốc	11,00	K. Khích	Hải Yên
78	81126	VŨ THỊ CẨM ANH	29/9/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,00	Ba	Hải Tiến
79	81127	ĐINH YẾN CHI	22/11/2007	Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,50	K. Khích	Hải Hòa

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
80	81128	PHẠM MẠNH CƯỜNG	08/11/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	GDCD	11,50	K. Khích	Ka Long
81	81130	PHẠM THU HẰNG	15/01/2008	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,75	Ba	Vĩnh Thực
82	81131	VƯƠNG THÚY HẰNG	29/10/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,25	K. Khích	Vĩnh Thực
83	81132	NGUYỄN DUY HÙNG	20/02/2008	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	GDCD	10,75	K. Khích	Vĩnh Thực
84	81133	HỨA THỊ PHƯƠNG LINH	14/11/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,50	K. Khích	Vĩnh Thực
85	81135	NGUYỄN THÙY LINH	24/8/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	10,75	K. Khích	Hải Tiến
86	81136	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	23/5/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,00	K. Khích	Quảng Nghĩa
87	81138	HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	22/01/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,00	Ba	Vĩnh Thực
88	81139	NGUYỄN THU TRANG	01/6/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	13,25	Nhì	Hải Tiến
89	81140	PHẠM THÙY THẢO VY	08/5/2008	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,25	K. Khích	Ninh Dương

(Danh sách trên có 89 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS
Khóa ngày 23/02/2022

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI
82-Phòng GDDT Hải Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	82001	HOÀNG TUẤN ANH	23/01/2008	Kiến An, Hải Phòng	Kinh	Nam	8	Toán	14,75	Nhì	Thị trấn Quảng Hà
2	82003	VŨ HOÀNG HẢI	22/10/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Toán	14,25	Ba	Thị trấn Quảng Hà
3	82004	ĐÀO VĂN HÙNG	18/6/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,50	Ba	Quảng Minh
4	82005	TÔ TRUNG KIÊN	18/5/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	14,00	Ba	Thị trấn Quảng Hà
5	82007	PHẠM DUY NAM	28/02/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	14,50	Ba	Quảng Minh
6	82009	PHẠM MINH QUÂN	13/12/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	9,25	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
7	82010	NGUYỄN THỊ THANH	22/6/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	16,25	Nhì	Thị trấn Quảng Hà
8	82011	TỪ MINH THU	26/02/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Hoa	Nữ	9	Toán	10,50	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
9	82012	NGÔ THÙY TRANG	28/3/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	12,00	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
10	82014	PHẠM TRUNG DŨNG	01/11/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Vật lí	17,75	Nhất	Thị trấn Quảng Hà
11	82016	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	01/3/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Vật lí	10,25	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
12	82017	PHẠM MINH THU	23/6/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Vật lí	11,25	Ba	Thị trấn Quảng Hà
13	82019	VOÔNG THÚY BIÊN	03/5/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Hoa	Nữ	9	Hóa học	13,00	K. Khích	Nội trú Hải Hà
14	82022	PHẠM MINH PHƯƠNG	15/4/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	13,25	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
15	82024	CHU QUỲNH XUÂN	19/02/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	12,50	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
16	82025	ĐINH VĂN ĐẠT	12/5/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Sinh học	14,00	K. Khích	Quảng Chính
17	82026	DƯƠNG HOÀNG HẢI	04/8/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Sinh học	17,25	Nhì	Quảng Minh
18	82027	BÙI VĂN HÙNG	12/5/2007	Phù Cừ, Hưng Yên	Kinh	Nam	9	Sinh học	16,25	Nhì	Quảng Minh
19	82028	PHẠM THỊ KHÁNH HUỠNG	02/4/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	13,25	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
20	82029	BẾ VĂN NAM	12/3/2007	Lục Nam, Bắc Giang	Tày	Nam	9	Sinh học	15,50	Ba	Quảng Minh
21	82030	NGUYỄN HỮU NGHĨA	07/7/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	14,75	K. Khích	Quảng Minh
22	82031	ĐINH THỊ PHƯƠNG	13/10/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	15,25	Ba	Quảng Chính
23	82035	PHẠM MINH TUÂN	21/6/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	14,25	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
24	82037	PHẠM MAI ÁNH	17/11/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	11,00	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
25	82038	NGUYỄN THỊ THÙY CHINH	02/01/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	10,75	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
26	82040	NGUYỄN HÀ GIANG	13/12/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,50	Ba	Thị trấn Quảng Hà
27	82043	NGUYỄN THÙY LINH	10/5/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,75	Nhì	Thị trấn Quảng Hà
28	82044	TRẦN KHÁNH LINH	03/10/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	Nhì	Thị trấn Quảng Hà
29	82045	VŨ THÙY LINH	17/6/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	10,75	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
30	82047	BÙI BÍCH PHƯƠNG	28/02/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	11,00	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
31	82048	VƯƠNG THỊ QUYÊN	08/11/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,50	Ba	Thị trấn Quảng Hà
32	82049	HOÀNG THỊ THÙY	12/9/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	10,75	K. Khích	Đường Hoa Cương
33	82050	NGUYỄN CHÍNH THIÊN THU	24/02/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	Nhì	Quảng Thành
34	82053	NGUYỄN THỊ THANH TRÀ	10/6/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,25	Ba	Thị trấn Quảng Hà
35	82055	BÙI THỊ VIỆT ANH	06/9/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	11,50	K. Khích	Quảng Thịnh
36	82056	HOÀNG MINH ANH	04/10/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	13,00	Ba	Quảng Thịnh
37	82057	VŨ THỊ VÂN ANH	12/12/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	11,50	K. Khích	Quảng Minh
38	82058	PHẠM THỊ BÈN	05/10/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,75	Nhì	Tiến Tới
39	82060	BÙI THỊ CHANG	27/3/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,00	Nhì	Thị trấn Quảng Hà
40	82061	BÙI THỊ THU HIỀN	02/3/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	11,25	K. Khích	Quảng Thịnh
41	82062	PHÙN THỊ HOA	15/5/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Lịch sử	13,00	Ba	Nội trú Hải Hà
42	82063	NGUYỄN MINH HUYỀN	07/02/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	14,75	Nhì	Thị trấn Quảng Hà
43	82065	VŨ THỊ KHÁNH LINH	05/7/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,75	Ba	T THCS Quảng Đức
44	82066	GIANG THỊ TRÀ MY	06/01/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	15,50	Nhì	Đường Hoa Cương
45	82069	PHẠM QUỐC VIỆT	25/10/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Lịch sử	13,00	Ba	Quảng Thịnh
46	82070	ĐÌNH THỊ HẢI YẾN	21/8/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,50	Ba	Thị trấn Quảng Hà
47	82071	PHẠM THỊ NGỌC ANH	17/3/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,25	Ba	Thị trấn Quảng Hà
48	82076	PHÙN THỊ HƯƠNG	18/9/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Địa lí	10,25	K. Khích	Nội trú Hải Hà
49	82077	BÙI NHẬT LINH	27/8/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,50	Ba	Thị trấn Quảng Hà
50	82078	PHẠM THỊ CẨM LY	19/6/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	10,50	K. Khích	Quảng Minh
51	82079	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	23/5/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	10,25	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
52	82081	ĐỖ THẢO NGÂN	10/4/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	10,50	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
53	82082	ĐỖ TÂM NHƯ	14/12/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,50	Ba	Quảng Minh
54	82083	NGUYỄN NGỌC THIÊN	03/12/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	12,50	Ba	Thị trấn Quảng Hà
55	82084	TRẦN VĂN THUẤN	05/9/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	10,25	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
56	82085	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	21/3/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Anh	11,45	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
57	82086	NGUYỄN THANH CHÚC	19/7/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	11,45	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
58	82087	ĐẶNG DIỆU HUYỀN	04/10/2007	Từ Sơn, Bắc Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,15	Nhì	Thị trấn Quảng Hà
59	82088	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	03/11/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,90	Ba	Thị trấn Quảng Hà
60	82089	NGUYỄN DUY KHÁNH	30/7/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	11,05	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
61	82090	NGUYỄN THẾ KIỆT	16/02/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	11,05	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
62	82091	NGUYỄN LÊ THẢO LINH	18/11/2007	Hà Nội	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	11,85	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
63	82092	PHAN ĐỨC LƯƠNG	01/5/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	10,85	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
64	82095	NGUYỄN VĂN PHÚC	13/6/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	10,55	K. Khích	Quảng Minh
65	82096	NGUYỄN DƯƠNG PHÚ THÀNH	03/04/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	16,60	Nhất	Thị trấn Quảng Hà
66	82098	NGUYỄN LẬP TÔN	05/02/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,60	Nhì	Thị trấn Quảng Hà
67	82099	HÀ LÊ VĂN	16/9/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	12,30	Ba	Thị trấn Quảng Hà
68	82100	ĐINH MỸ VÂN	03/4/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,65	Ba	Thị trấn Quảng Hà
69	82101	TRẦN THỊ QUỲNH CHI	03/11/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	10,50	K. Khích	Đường Hoa Cương
70	82102	PHẠM KHÁNH HUYỀN	28/4/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	10,50	K. Khích	Cái Chiên
71	82103	TẠ THỊ THANH HUYỀN	26/3/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	10,50	K. Khích	Quảng Minh
72	82106	THÂN THỊ HÀ MY	08/07/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	10,00	K. Khích	Thị trấn Quảng Hà
73	82109	VI THỊ HOÀI OANH	19/8/2008	Hải Hà, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	GDCD	10,50	K. Khích	Quảng Phong
74	82111	LÊ THỊ PHƯƠNG THÙY	26/4/2007	Hải Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	10,00	K. Khích	Quảng Minh

(Danh sách trên có 74 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS
Khóa ngày 23/02/2022

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI
83-Phòng GDĐT Đàm Hà

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	83009	VŨ HUY HÙNG	23/02/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	10,50	K. Khích	Thị trấn Đàm Hà
2	83015	ĐINH ĐỨC MẠNH	08/4/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	10,00	K. Khích	Thị trấn Đàm Hà
3	83019	NGUYỄN TRUNG KIÊN	27/3/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,25	K. Khích	Thị trấn Đàm Hà
4	83021	VŨ THANH THÁI	05/01/2008	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Hóa học	14,00	Ba	Thị trấn Đàm Hà
5	83025	ĐOÀN THỊ MAI HƯƠNG	06/3/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	16,75	Nhì	Tân Bình
6	83026	BÙI YẾN NHI	30/4/2007	Thanh Hà, Hải Dương	Kinh	Nữ	9	Sinh học	15,75	Ba	Tân Bình
7	83027	ĐINH THỊ KIM SA	01/12/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	17,25	Nhì	Thị trấn Đàm Hà
8	83030	ĐINH HOÀI LINH ĐAN	23/10/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,00	Ba	Thị trấn Đàm Hà
9	83037	BÙI LAN ANH	01/12/2008	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	15,00	Nhì	Xã Đàm Hà
10	83039	LÊ TRUNG ANH	13/11/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Lịch sử	12,75	Ba	Thị trấn Đàm Hà
11	83040	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	19/10/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,00	Nhì	Dục Yên
12	83041	NÔNG THỊ HUYỀN CHI	14/7/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Lịch sử	11,25	K. Khích	Quảng Tân
13	83045	ĐÀO THỊ HẰNG	22/7/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,75	Ba	Xã Đàm Hà
14	83047	PHẠM THỊ PHƯƠNG	31/12/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	11,75	K. Khích	Tân Bình
15	83051	LÊ THỊ MAI THU	29/7/2008	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	11,25	K. Khích	Xã Đàm Hà
16	83052	TRẦN LÊ ANH THU	15/5/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	11,25	K. Khích	Dục Yên
17	83056	HOÀNG THỊ AN	06/12/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,75	Nhì	Thị trấn Đàm Hà
18	83065	NGUYỄN THỊ THẢO	17/10/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,00	Ba	Tân Bình
19	83067	LÊ THỊ THANH THÙY	21/9/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	10,00	K. Khích	Đại Bình
20	83074	LÊ NGUYỄN KHÁNH NGỌC	19/12/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,75	Ba	Thị trấn Đàm Hà
21	83084	LÝ NGỌC LAN	25/01/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9	GDCD	11,50	Ba	Quảng An
22	83088	ĐINH THỊ THU NGỌC	01/02/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	10,00	K. Khích	Xã Đàm Hà
23	83089	ĐẶNG THU PHƯƠNG	28/12/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	10,00	K. Khích	Xã Đàm Hà
24	83094	NGUYỄN THU TRANG	20/01/2007	Đàm Hà, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	9,75	K. Khích	Thị trấn Đàm Hà

(Danh sách trên có 24 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS
Khóa ngày 23/02/2022

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI
84-Phòng GDĐT Bình Liêu

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	84001	HOÀNG MAI ANH	22/5/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Toán	12,75	Ba	Nội trú Bình Liêu
2	84003	NÔNG TIẾN DƯƠNG	17/12/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Toán	12,50	Ba	Thị trấn Bình Liêu
3	84005	HOÀNG THẾ MẠNH HÙNG	16/01/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Toán	11,00	K. Khích	Nội trú Bình Liêu
4	84008	VI HOÀNG NGÂN	09/8/2008	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	Toán	11,50	K. Khích	Thị trấn Bình Liêu
5	84011	TRẦN THANH THÚY	19/3/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Toán	9,50	K. Khích	Nội trú Bình Liêu
6	84012	HOÀNG ANH THU	13/9/2008	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	Toán	10,50	K. Khích	Nội trú Bình Liêu
7	84013	LA THỊ TRÀ	23/02/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Toán	10,50	K. Khích	Nội trú Bình Liêu
8	84014	TÔ MẠNH KHỎE	19/02/2008	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nam	8	Vật lí	9,00	K. Khích	Nội trú Bình Liêu
9	84016	TRẦN TRUNG HIẾU	08/3/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	16,50	Ba	Thị trấn Bình Liêu
10	84017	HOÀNG VIỆT HOÀN	07/10/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Hóa học	16,25	Ba	Thị trấn Bình Liêu
11	84018	HOÀNG THIÊN HƯƠNG	01/11/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Hóa học	17,25	Nhì	Thị trấn Bình Liêu
12	84019	LÝ ĐÌNH KHÁNH	15/02/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Hóa học	15,50	Ba	Thị trấn Bình Liêu
13	84025	HOÀNG THU HẰNG	14/9/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Ngữ văn	10,75	K. Khích	Thị trấn Bình Liêu
14	84027	HOÀNG DIỆU LINH	24/9/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Ngữ văn	12,25	Ba	Nội trú Bình Liêu
15	84032	HOÀNG THỊ HOÀI THƯƠNG	13/3/2008	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	Ngữ văn	11,00	K. Khích	Nội trú Bình Liêu
16	84033	LÝ THỊ THU BÔNG	26/02/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Lịch sử	12,50	Ba	Nội trú Bình Liêu
17	84039	TRẦN BẢO QUỐC	24/7/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Lịch sử	12,25	K. Khích	Vô Ngại
18	84041	NÌNH THỊ SINH	08/01/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	9	Lịch sử	12,75	Ba	Hoành Mô
19	84042	CHIU THỊ THẨM	24/02/2008	Bình Liêu, Quảng Ninh	Dao	Nữ	8	Lịch sử	11,50	K. Khích	Nội trú Bình Liêu
20	84043	HOÀNG THÙY TRANG	28/01/2008	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	Lịch sử	11,50	K. Khích	Thị trấn Bình Liêu
21	84047	TÔ HOÀI GIANG	12/02/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Địa lí	11,25	K. Khích	Nội trú Bình Liêu
22	84048	TÀNG THỊ HOA	25/01/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Địa lí	11,75	Ba	Nội trú Bình Liêu
23	84049	CHIU THỊ LAN	07/01/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Địa lí	10,25	K. Khích	Nội trú Bình Liêu

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
24	84055	DUỜNG THỊ VÂN	07/10/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Địa lí	11,25	K. Khích	Đồng Văn
25	84058	CHU TUẤN KIẾT	09/5/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Tiếng Anh	14,95	Nhì	Thị trấn Bình Liêu
26	84066	BẾ KIM CÚC	27/7/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	13,00	Nhì	Nội trú Bình Liêu
27	84067	PHẠM KIM DUNG	26/10/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,00	Ba	Đồng Văn
28	84068	LOAN THỊ KIỀU DUYÊN	28/8/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	13,50	Nhì	Đồng Văn
29	84069	BẾ THỊ HẠNH	10/02/2008	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	GDCD	10,25	K. Khích	Vô Ngại
30	84070	PHÙN THỊ LAN	11/01/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	GDCD	9,75	K. Khích	Đồng Tâm
31	84072	TRẦN THỊ NGỌC LINH	26/12/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	10,50	K. Khích	Nội trú Bình Liêu
32	84075	VI THỊ QUỲNH NHƯ	15/8/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	12,00	Ba	Nội trú Bình Liêu
33	84077	TRẠC THỊ QUẠY	02/02/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	9	GDCD	12,00	Ba	Húc Động
34	84078	LA VŨ NHƯ QUỲNH	29/5/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	13,00	Nhì	Lục Hồn
35	84079	LƯƠNG THỊ THỦY	01/01/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	10,50	K. Khích	Nội trú Bình Liêu
36	84080	MẠ THU THỦY	28/4/2008	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	GDCD	11,00	Ba	Vô Ngại
37	84081	HOÀNG ANH THU	18/7/2008	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8	GDCD	10,00	K. Khích	Nội trú Bình Liêu
38	84082	LOAN KIỀU TRINH	10/12/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	12,50	Nhì	Lục Hồn

(Danh sách trên có 38 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS
Khóa ngày 23/02/2022

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI
85-Phòng GDDT Ba Chẽ

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	85001	LƯƠNG HỒNG MAI	17/3/2007	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Toán	12,25	Ba	Thị trấn Ba Chẽ
2	85002	HOÀNG THÁI NGUYỄN	12/02/2007	Bệnh viện C- Thái Nguyên	Tày	Nam	9B	Toán	14,75	Nhì	Thị trấn Ba Chẽ
3	85004	NGUYỄN MAI TRANG	18/6/2007	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Toán	11,00	K. Khích	Thị trấn Ba Chẽ
4	85012	ĐẶNG THỊ NHUNG	03/7/2007	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Hóa học	12,75	K. Khích	Nội trú Ba Chẽ
5	85013	HOÀNG THÁI SƠN	30/9/2007	Hoành Bồ- Quảng Ninh	Tày	Nam	9B	Hóa học	12,50	K. Khích	Thị trấn Ba Chẽ
6	85020	VI HOÀNG NHƯ NGỌC	14/11/2007	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Ngữ văn	11,00	K. Khích	Nội trú Ba Chẽ
7	85021	THÂN PHƯƠNG THẢO	05/8/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	12,75	Nhì	Thị trấn Ba Chẽ
8	85022	TY PHƯƠNG THÙY	12/11/2007	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	11,25	K. Khích	Nội trú Ba Chẽ
9	85028	NGUYỄN HẢI KHÁNH	20/11/2007	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Lịch sử	12,50	Ba	Nội trú Ba Chẽ
10	85032	VŨ HẢI NINH	22/9/2007	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,50	Ba	Đồn Đạc
11	85034	VŨ NGỌC QUANG	04/4/2007	Nam Trục - Nam Định	Kinh	Nam	9A	Lịch sử	12,50	Ba	Thị trấn Ba Chẽ
12	85036	NGUYỄN THÁI SƠN	08/5/2007	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Lịch sử	11,75	K. Khích	Thị trấn Ba Chẽ
13	85039	VÔNG MINH THU	27/02/2007	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Lịch sử	12,25	K. Khích	Nội trú Ba Chẽ
14	85042	VI VY	30/7/2007	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Tày	Nữ	9A	Lịch sử	11,75	K. Khích	Thị trấn Ba Chẽ
15	85068	BÙI NGỌC HOA	05/01/2007	Tiên Yên - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	GDCD	10,50	K. Khích	Thị trấn Ba Chẽ
16	85069	VŨ THỊ THU HUYỀN	28/02/2007	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	GDCD	11,25	Ba	Thị trấn Ba Chẽ
17	85075	TRẦN NHƯ NGUYỆT	02/08/2007	Ba Chẽ - Quảng Ninh	Sán Chi	Nữ	9	GDCD	9,75	K. Khích	Nội trú Ba Chẽ

(Danh sách trên có 17 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS
Khóa ngày 23/02/2022

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI
86-Phòng GDĐT Tiên Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	86001	VŨ NHẬT ANH	14/4/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Toán	14,50	Ba	Thị trấn Tiên Yên
2	86002	NGUYỄN THÀNH CÔNG	15/02/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A1	Toán	10,50	K. Khích	Thị trấn Tiên Yên
3	86003	PHẠM NGỌC HẢI	24/05/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9C	Toán	18,00	Nhất	Đông Ngũ
4	86004	HOÀNG TRỌNG HIẾU	23/6/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Toán	15,00	Nhì	Thị trấn Tiên Yên
5	86005	ĐẶNG MINH KHOA	26/10/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Toán	12,00	K. Khích	Thị trấn Tiên Yên
6	86006	ĐINH KIM OANH	08/7/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Toán	14,00	Ba	Thị trấn Tiên Yên
7	86008	NGUYỄN ĐỨC TRÍ	20/11/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9B	Toán	12,50	Ba	Thị trấn Tiên Yên
8	86009	VŨ VI TƯỜNG VI	30/10/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A1	Toán	14,75	Nhì	Thị trấn Tiên Yên
9	86012	HÀ QUANG HUY	06/02/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Vật lí	15,75	Nhì	Thị trấn Tiên Yên
10	86016	NGUYỄN THỊ THU GIANG	24/6/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Hóa học	13,50	K. Khích	Thị trấn Tiên Yên
11	86018	NGUYỄN THU HÀ	21/9/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Hóa học	17,00	Nhì	Thị trấn Tiên Yên
12	86019	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	04/6/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Hóa học	13,75	Ba	Thị trấn Tiên Yên
13	86023	NGUYỄN QUỲNH AN	01/8/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8B	Sinh học	14,75	K. Khích	Tiên Lăng
14	86024	TÔ TRUNG HIẾU	06/11/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Sinh học	14,75	K. Khích	Thị trấn Tiên Yên
15	86026	ĐỖ HÀ NGỌC THẢO	22/5/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Sinh học	16,25	Nhì	Hải Đông
16	86028	HÀ VIỆT TRUNG	14/4/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Sinh học	16,00	Ba	Điền Xá
17	86029	NGUYỄN HÀ VY	01/02/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A2	Sinh học	13,50	K. Khích	Thị trấn Tiên Yên
18	86030	VI THANH HUƠNG	11/3/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9A	Ngữ văn	12,00	Ba	Thị trấn Tiên Yên
19	86032	NGÔ THÀNH LUÂN	21/06/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9B	Ngữ văn	12,25	Ba	Đông Ngũ
20	86033	PHẠM SAO MAI	29/01/2007	Yên Mô, Ninh Bình	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	11,50	Ba	Hải Lạng
21	86034	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	25/02/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	11,00	K. Khích	Thị trấn Tiên Yên
22	86036	PHẠM PHƯƠNG THANH	06/9/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	11,00	K. Khích	Thị trấn Tiên Yên
23	86037	CHÍU THỊ TRANG	21/05/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9C	Ngữ văn	11,75	Ba	Đông Ngũ
24	86039	NÌNH THỊ NGỌC BÍCH	18/5/2008	Biên Hòa, Đồng Nai	Sán chỉ	Nữ	8B	Lịch sử	11,25	K. Khích	Đồng Rui

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
25	86040	HÀ THỊ CHI	25/5/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Dao	Nữ	8A	Lịch sử	11,50	K. Khích	Nội trú Tiên Yên
26	86041	PHÙN THỊ CÚC	01/01/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Lịch sử	11,25	K. Khích	Yên Than
27	86044	TÀNG THỊ HỒNG	07/11/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Dao	Nữ	8	Lịch sử	15,25	Nhì	Hà Lâu
28	86046	HOÀNG TRUNG KIÊN	02/3/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Sán chỉ	Nam	9A	Lịch sử	13,00	Ba	Thị trấn Tiên Yên
29	86047	ĐÌNH MỸ LỆ	13/08/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Lịch sử	14,25	Nhì	Đông Ngũ
30	86048	BÙI THỊ THÙY MY	29/6/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A	Lịch sử	11,25	K. Khích	Đồng Rui
31	86049	LUU TUYẾT NHI	07/06/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9A	Lịch sử	16,25	Nhất	Hải Lạng
32	86051	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG THÙY	23/3/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A1	Lịch sử	13,25	Ba	Thị trấn Tiên Yên
33	86054	NGUYỄN HÀ VY	11/02/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,25	K. Khích	Điền Xá
34	86055	TRIỆU HÀ VY	31/8/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9A	Lịch sử	11,75	K. Khích	Thị trấn Tiên Yên
35	86056	ĐẶNG THỊ XUÂN	17/02/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	9A	Lịch sử	16,00	Nhất	Đông Ngũ
36	86057	TẠ HẢI YẾN	16/01/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9B	Lịch sử	12,75	Ba	Thị trấn Tiên Yên
37	86058	HÀ THỊ HOÀNG ANH	12/6/2007	Tiên Yên- Quảng Ninh	Dao	Nữ	9A	Địa lí	15,00	Nhất	Nội trú Tiên Yên
38	86062	VÒONG THỊ ĐÀO	27/12/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Địa lí	11,00	K. Khích	Hà Lâu
39	86065	NGUYỄN ĐỨC KHANG	20/9/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Địa lí	12,50	Ba	Thị trấn Tiên Yên
40	86067	TẶNG VI KHÁNH LINH	23/12/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8A3	Địa lí	10,50	K. Khích	Thị trấn Tiên Yên
41	86068	LÊ HƯƠNG NHÀN	16/12/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Địa lí	11,00	K. Khích	Hải Đông
42	86069	PHẠM HUYỀN NINH	23/10/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	13,00	Nhì	Đồng Rui
43	86071	HOÀNG THỊ HUYỀN TRÂM	06/6/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A	Địa lí	12,50	Ba	Hải Đông
44	86073	CHIỀNG HỒNG YÊN	24/02/2007	Tiên Yên- Quảng Ninh	Dao	Nữ	9B	Địa lí	12,00	Ba	Nội trú Tiên Yên
45	86075	LÊ TRẦN HƯƠNG ANH	29/8/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Tiếng Anh	14,25	Nhì	Thị trấn Tiên Yên
46	86077	VŨ KHÁNH HUYỀN	01/9/2005	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Tiếng Anh	12,75	Ba	Thị trấn Tiên Yên
47	86078	ĐÌNH GIA HUNG	18/8/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Tiếng Anh	11,90	K. Khích	Thị trấn Tiên Yên
48	86080	NGUYỄN HOÀNG THẢO PHƯƠNG	19/6/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A1	Tiếng Anh	11,10	K. Khích	Thị trấn Tiên Yên
49	86081	TÔ MAI PHƯƠNG	03/6/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Tiếng Anh	13,40	Ba	Thị trấn Tiên Yên
50	86083	CHÍU NGỌC ANH	22/11/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Dao	Nữ	8A	GDCD	11,50	Ba	Đông Ngũ

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
51	86084	NÔNG THỊ QUỲNH ANH	12/10/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Tày	Nữ	8A	GDCD	13,25	Nhì	Đông Ngũ
52	86085	LƯƠNG THỰC CHINH	22/3/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	8A3	GDCD	16,00	Nhất	Thị trấn Tiên Yên
53	86086	BÙI THU HẰNG	18/3/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8B	GDCD	15,00	Nhì	Đồng Rui
54	86088	CHÌU THỊ HỒNG	02/3/2007	Tiên Yên- Quảng Ninh	Dao	Nữ	9A	GDCD	10,75	Ba	Nội trú Tiên Yên
55	86089	NINH THIÊN HƯƠNG	25/4/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Sán chỉ	Nữ	8A1	GDCD	11,75	Ba	Thị trấn Tiên Yên
56	86091	HOÀNG THỊ DIỆU LINH	23/02/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	GDCD	11,50	Ba	Tiên Lăng
57	86093	BÀN PHẠM THẢO NHI	24/8/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Dao	Nữ	8A1	GDCD	12,50	Nhì	Thị trấn Tiên Yên
58	86094	LÊ NGỌC QUỲNH	30/5/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A	GDCD	15,00	Nhì	Đồng Rui
59	86095	LƯƠNG THÚY QUỲNH	28/11/2007	Tiên Yên- Quảng Ninh	Tày	Nữ	9A	GDCD	12,00	Ba	Nội trú Tiên Yên
60	86096	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	15/07/2008	Ninh Giang, Hải Dương	Kinh	Nữ	8A	GDCD	12,25	Ba	Đông Ngũ
61	86097	TRẦN THU THẢO	08/6/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	GDCD	15,75	Nhất	Thị trấn Tiên Yên
62	86098	ĐÀO THU THỦY	10/04/2008	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A	GDCD	13,75	Nhì	Đông Ngũ
63	86099	TÔ THỊ THƯƠNG	25/8/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	14,00	Nhì	Diễn Xá
64	86101	CAO THỊ BẢO TRÂM	14/9/2007	Tiên Yên, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	GDCD	10,50	K. Khích	Thị trấn Tiên Yên

(Danh sách trên có 64 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS
Khóa ngày 23/02/2022

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI
87-Phòng GDĐT Cô Tô

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	87008	NGÔ NỮ KHÁNH CHI	03/05/2007	Thanh Hóa	Kinh	Nữ	9	Địa lí	10,00	K. Khích	Đồng Tiến
2	87009	NGUYỄN THỊ NGÂN	12/03/2007	Cô Tô - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,25	K. Khích	Đồng Tiến

(Danh sách trên có 02 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 23/02/2022

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI

88-Phòng GDĐT Vân Đồn

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	88001	HOÀNG NGỌC ANH	18/5/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	10,00	K. Khích	Đông Xá
2	88004	NGUYỄN SINH KHÁNH	21/11/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,00	K. Khích	Đông Xá
3	88012	TIÊU HOÀNG DƯƠNG	20/8/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	18,00	Nhì	Đông Xá
4	88013	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	28/01/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9	Hóa học	16,00	Ba	Đông Xá
5	88014	NGUYỄN KHÁNH LY	07/01/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	13,00	K. Khích	Thị trấn Cái Rồng
6	88016	LIÊU BÌNH NGUYỄN	18/6/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	19,25	Nhất	Thị trấn Cái Rồng
7	88018	NGUYỄN TẮT LONG	22/02/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	15,25	Ba	Đông Xá
8	88022	ĐẶNG CHÂU ANH	22/7/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Nhì	Thị trấn Cái Rồng
9	88023	NGUYỄN HỒNG NGỌC HÂN	07/02/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,75	Nhì	Đông Xá
10	88024	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	10/02/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,00	Ba	Thị trấn Cái Rồng
11	88027	VŨ DIỆU LAN	01/9/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	10,75	K. Khích	Đông Xá
12	88028	NGUYỄN HIỀN MAI	20/4/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,50	Nhì	Thị trấn Cái Rồng
13	88036	NGUYỄN HẢI ÁNH	13/02/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	10,50	K. Khích	Thị trấn Cái Rồng
14	88039	LÊ THỊ THU HUẾ	20/7/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	10,00	K. Khích	Thị trấn Cái Rồng
15	88040	TRẦN HOÀI NAM	20/7/2007	Hải Phòng	Kinh	Nam	9	Địa lí	13,00	Nhì	Đông Xá
16	88042	HÀ THỊ OANH	31/3/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,00	Ba	Đông Xá
17	88043	LIÊU THỊ PHƯƠNG	06/01/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9	Địa lí	12,50	Ba	CS Bình Dân
18	88044	HỨA TUẤN THÀNH	12/6/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	10,00	K. Khích	Đông Xá
19	88045	LIÊU THỊ THẢO	06/01/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9	Địa lí	11,25	K. Khích	CS Bình Dân
20	88048	NGUYỄN VĂN HOÀNG ANH	21/12/2008	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	13,05	Ba	Hạ Long
21	88049	NGUYỄN NGỌC DIỆP	06/8/2008	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Anh	11,60	K. Khích	Đông Xá
22	88051	ĐINH ĐỨC HUY	20/8/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	12,30	Ba	Thị trấn Cái Rồng
23	88052	PHẠM THÀNH HÙNG	25/4/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	14,75	Nhì	Thị trấn Cái Rồng
24	88055	LÊ THỊ HÀ MY	17/8/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,05	Ba	Hạ Long

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
25	88057	PHẠM THỊ VÂN ANH	25/02/2008	Ninh Giang, Hải Dương	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,75	Ba	Hạ Long
26	88061	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	19/7/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	9,75	K. Khích	Thị trấn Cái Rồng
27	88064	PHẠM THU THẢO	03/02/2008	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,25	Ba	Hạ Long
28	88066	ĐỖ NGỌC TRÂM	01/7/2008	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,25	Ba	Đài Xuyên
29	88067	ĐOÀN KHÁNH TUYỀN	23/12/2007	Vân Đồn, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	10,75	Ba	Thị trấn Cái Rồng

(Danh sách trên có 29 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS

Khóa ngày 23/02/2022

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI
89-Phòng GDĐT Cẩm Phả

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	89003	DƯƠNG HOÀNG BÁCH	10/9/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	14,00	Ba	Chu Văn An
2	89009	NGUYỄN HỮU ĐỨC	22/02/2008	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Toán	15,25	Nhì	Chu Văn An
3	89011	PHẠM TRUNG ĐỨC	31/01/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	14,00	Ba	Chu Văn An
4	89012	TRẦN MINH ĐỨC	14/11/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,50	Ba	Bái Tử Long
5	89013	KHUẤT TUẤN HƯNG	17/5/2007	Sơn Tây, Hà Nội	Kinh	Nam	9	Toán	11,00	K. Khích	Chu Văn An
6	89016	PHAN THÀNH LONG	06/12/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	14,50	Nhì	Bái Tử Long
7	89017	TRẦN NGỌC HOÀI NAM	30/01/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,00	K. Khích	Lý Tự Trọng
8	89020	BÙI NGUYỄN PHONG	15/01/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,00	Ba	Cửa Ông
9	89021	ĐÀO HOÀNG PHÚ	04/7/2007	Quỳnh Phụ, Thái Bình	Kinh	Nam	9	Toán	14,00	Ba	Mông Dương
10	89024	VŨ DUY QUANG	04/5/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	17,75	Nhất	Chu Văn An
11	89026	NGUYỄN KHÁNH QUYÊN	26/4/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	12,50	K. Khích	Chu Văn An
12	89032	PHÙNG MẠNH CUỜNG	16/02/2007	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	12,75	K. Khích	Cẩm Bình
13	89033	TRẦN THẾ DÂN	01/02/2008	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Vật lí	15,00	Ba	Chu Văn An
14	89036	NGUYỄN HỮU DŨNG	10/7/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	18,00	Nhì	Trọng Điểm
15	89038	VŨ THỊ DƯƠNG	26/11/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Vật lí	14,25	Ba	Mông Dương
16	89039	BÙI HUY HOÀNG	22/10/2008	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Vật lí	17,25	Nhì	Chu Văn An
17	89040	NGUYỄN VIỆT HÙNG	07/5/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	15,50	Ba	Nam Hải
18	89042	CHU QUỐC HÙNG	11/12/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Tày	Nam	9	Vật lí	17,50	Nhì	Nam Hải
19	89043	TRẦN KHÁNH HƯNG	11/4/2008	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Vật lí	13,00	K. Khích	Cẩm Thành
20	89044	TRỊNH THỊ XUÂN MAI	19/4/2007	Ân Thi, Hưng Yên	Kinh	Nữ	9	Vật lí	14,75	Ba	Trọng Điểm
21	89046	LÊ QUANG MINH	14/3/2008	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Vật lí	18,75	Nhì	Chu Văn An
22	89049	TRẦN THẢO NHI	10/01/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Vật lí	11,25	K. Khích	Trọng Điểm
23	89054	VŨ ĐỨC TRƯỜNG	20/02/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	11,25	K. Khích	Chu Văn An
24	89055	BÙI HỮU TÙNG	18/01/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	16,50	Ba	Chu Văn An

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
25	89057	TRẦN TUẤN TÚ	06/12/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	11,50	K. Khích	Cửa Ông
26	89058	VŨ QUANG VINH	24/4/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	15,50	Ba	Nam Hải
27	89059	TRẦN NHẬT ANH	24/4/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	18,00	Nhất	Thống Nhất
28	89066	NGUYỄN ANH ĐỨC	27/6/2007	Gia Lộc, Hải Dương	Kinh	Nam	9	Hóa học	16,25	Nhì	Thống Nhất
29	89067	NGUYỄN LÊ ANH ĐỨC	05/01/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,00	K. Khích	Mông Dương
30	89068	LÊ THỊ NGỌC HÀ	08/3/2007	Triệu Sơn, Thanh Hóa	Kinh	Nữ	9	Hóa học	14,00	Ba	Thống Nhất
31	89072	VŨ DUY HUNG	16/3/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	14,25	Ba	Chu Văn An
32	89073	NGUYỄN PHƯƠNG KHANH	19/01/2007	Hà Nội	Kinh	Nữ	9	Hóa học	14,00	Ba	Trọng Điểm
33	89076	TRẦN HỒNG MINH	21/8/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	14,00	Ba	Cẩm Thịnh
34	89079	MAI HOÀI NAM	21/4/2007	Nam Định	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,50	K. Khích	Cẩm Sơn
35	89081	TRẦN XUÂN PHÚC	22/11/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,50	K. Khích	Mông Dương
36	89082	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG	16/10/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	13,50	K. Khích	Cẩm Thịnh
37	89085	NGUYỄN THANH THƯ	07/5/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	13,75	K. Khích	Chu Văn An
38	89090	LÊ THỊ NGỌC ANH	30/6/2007	Vũ Phúc, Thái Bình	Kinh	Nữ	9	Sinh học	17,50	Nhì	Cửa Ông
39	89093	PHẠM CẨM ANH	02/10/2008	Phủ Lý, Hà Nam	Kinh	Nữ	8	Sinh học	13,00	K. Khích	Chu Văn An
40	89094	TRỊNH NGUYỄN BẢO	01/9/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	17,25	Nhì	Chu Văn An
41	89095	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	06/4/2008	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Sinh học	13,75	K. Khích	Chu Văn An
42	89098	HOÀNG TRÍ DŨNG	05/3/2007	Kim Thành, Hải Dương	Kinh	Nam	9	Sinh học	15,75	Nhì	Cửa Ông
43	89104	LƯƠNG VŨ THÙY LINH	10/4/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	16,75	Nhì	Cửa Ông
44	89106	HOÀNG THỊ THANH MAI	16/4/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Sinh học	16,00	Nhì	Cửa Ông
45	89115	NGUYỄN THU THỦY	24/10/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	13,50	K. Khích	Thống Nhất
46	89116	NGUYỄN THỊ THÚY	12/6/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	12,75	K. Khích	Chu Văn An
47	89117	NGUYỄN BẢO TRÂM	13/12/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	13,75	K. Khích	Nam Hải
48	89120	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	14/02/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,50	Ba	Lý Tự Trọng
49	89123	TRẦN KHÁNH CHI	03/01/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	Ba	Cửa Ông
50	89126	LỤC MAI HƯƠNG	08/11/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Sán diu	Nữ	9	Ngữ văn	12,25	Ba	Lý Tự Trọng
51	89132	PHẠM PHƯƠNG LINH	14/6/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	11,75	K. Khích	Lý Tự Trọng

TT	Số báo danh	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
52	89134	LÊ THỊ BÍCH	NGỌC	15/10/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,00	K. Khích	Lý Tự Trọng
53	89137	TRẦN MINH	NGỌC	20/4/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,50	Ba	Mông Dương
54	89145	NGUYỄN THÙY	TRANG	26/4/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,50	Ba	Cầm Sơn
55	89148	NGUYỄN QUỲNH	ANH	19/10/2008	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	15,00	Nhì	Quang Hanh
56	89149	PHẠM THÙY	DUNG	05/01/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	14,50	Ba	Mông Dương
57	89150	NGUYỄN KHÁNH	DŨNG	26/12/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Lịch sử	14,50	Ba	Nam Hải
58	89151	VƯƠNG TRUNG	ĐỨC	13/10/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Lịch sử	16,25	Nhì	Mông Dương
59	89152	NGUYỄN TRẦN THU	HÀ	25/10/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,25	Ba	Mông Dương
60	89153	HÀ THỊ	HẠNH	19/9/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,00	Nhì	CS Cộng Hòa
61	89154	MAI THU	HIỀN	25/9/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,75	Ba	Lý Tự Trọng
62	89155	PHẠM TRUNG	HIẾU	08/02/2008	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Lịch sử	16,00	Nhì	Nam Hải
63	89156	ĐỖ QUANG	HUY	13/02/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Lịch sử	12,50	K. Khích	Cửa Ông
64	89157	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	10/01/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,75	Ba	Mông Dương
65	89159	ĐỖ HIẾU	LAM	21/12/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Lịch sử	15,50	Nhì	Chu Văn An
66	89160	PHẠM HUYỀN	LINH	28/10/2008	Vĩnh Bảo, Hải Phòng	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	14,00	Ba	Trọng Điểm
67	89161	HÀ THỊ MỸ	NA	09/3/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,50	K. Khích	CS Cộng Hòa
68	89162	LƯU THU	NGÂN	28/01/2008	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	12,00	K. Khích	Chu Văn An
69	89163	VŨ HOÀNG	NGÂN	09/6/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	18,25	Nhất	Nam Hải
70	89164	NGUYỄN TRẦN MINH	NGỌC	01/10/2009	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7	Lịch sử	13,50	Ba	Chu Văn An
71	89165	HÀ MINH	PHƯƠNG	15/11/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,50	K. Khích	CS Cộng Hòa
72	89166	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	17/9/2009	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7	Lịch sử	13,00	K. Khích	Chu Văn An
73	89168	NGUYỄN THỊ MINH	TÂM	12/6/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,25	Nhì	Lý Tự Trọng
74	89169	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	30/10/2008	Yên Khánh, Ninh Bình	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	15,00	Nhì	Lý Tự Trọng
75	89171	NGUYỄN THU	THỦY	16/7/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	14,00	Ba	Chu Văn An
76	89172	ĐỖ THỊ ANH	THƯ	12/7/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	14,50	Ba	Cửa Ông
77	89173	LÝ KIỀU	THƯ	21/5/2007	Cầm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	14,25	Ba	Mông Dương
78	89174	NGUYỄN MINH	THƯ	10/3/2007	Yên Hưng, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,75	Ba	Quang Hanh

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
79	89175	NGUYỄN THU TRANG	07/12/2007	Sơn Tây, Hà Nội	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	16,75	Nhất	Mông Dương
80	89176	PHẠM BẢO VÂN	01/9/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,50	Nhì	Lý Tự Trọng
81	89177	VŨ NGỌC AN	25/01/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	14,25	Nhì	Chu Văn An
82	89180	NGÔ TUẤN ANH	23/01/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	13,25	Ba	Cửa Ông
83	89181	NGUYỄN QUỲNH ANH	30/6/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,75	K. Khích	Chu Văn An
84	89182	ĐOÀN CÔNG CHIẾN	16/02/2007	Duy Tiên, Hà Nam	Kinh	Nam	9	Địa lí	13,00	Ba	Cẩm Thành
85	89188	NGUYỄN THỊ LINH	30/10/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,25	K. Khích	Chu Văn An
86	89189	PHẠM GIA LINH	09/6/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,50	Ba	Cẩm Sơn
87	89191	TRẦN THỊ NGỌC MAI	29/9/2008	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	13,25	Ba	Trọng Điểm
88	89192	ĐẶNG QUANG MINH	27/9/2008	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Địa lí	14,75	Nhì	Chu Văn An
89	89193	ĐẶNG VĂN MINH	18/3/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	12,00	K. Khích	Cẩm Sơn
90	89195	NGÔ TUYẾT NHUNG	07/4/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	15,75	Nhất	Cẩm Sơn
91	89196	TRẦN THỊ CẨM NHUNG	27/5/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	14,75	Nhì	Cẩm Sơn
92	89197	HOÀNG ĐỨC PHÚC	08/02/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	14,00	Nhì	Thống Nhất
93	89198	NGUYỄN DIỆU PHƯƠNG	17/4/2008	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	11,00	K. Khích	Chu Văn An
94	89199	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	12/5/2008	Quỳnh Côi, Thái Bình	Kinh	Nữ	8	Địa lí	15,00	Nhì	Cẩm Thành
95	89200	VŨ PHƯƠNG THẢO	11/07/2008	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	12,00	K. Khích	Mông Dương
96	89201	NGUYỄN THỊ THANH THU	28/7/2008	Cẩm phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	11,00	K. Khích	Mông Dương
97	89203	LẠI XUÂN TRÀ	07/10/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	13,25	Ba	Cẩm Sơn
98	89204	ĐỖ XUÂN TRƯỜNG	24/3/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	13,50	Ba	Mông Dương
99	89205	LÊ BUI THẢO YẾN	02/4/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,00	K. Khích	Mông Dương
100	89209	NGUYỄN QUỲNH ANH	05/12/2007	Quỳnh Phụ, Thái Bình	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,10	K. Khích	Chu Văn An
101	89211	TẠ QUANG ANH	24/01/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	11,75	K. Khích	Chu Văn An
102	89214	TRỊNH TRÍ DŨNG	30/3/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	12,05	K. Khích	Mông Dương
103	89216	NGUYỄN NHẬT HÀ	16/4/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	14,85	Nhì	Bái Tử Long
104	89217	PHẠM HOÀNG HẢI	21/11/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	12,60	K. Khích	Chu Văn An
105	89218	NGUYỄN TRUNG HIẾU	03/01/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	11,75	K. Khích	Trọng Điểm

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
106	89227	TRỊNH HẢI PHONG	10/01/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	14,35	Ba	Lý Tự Trọng
107	89228	NGUYỄN MINH PHÚC	13/10/2008	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	15,15	Nhì	Chu Văn An
108	89229	VŨ TÀI PHÚC	22/11/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	13,10	Ba	Trọng Điểm
109	89230	NGUYỄN THÚY QUỲNH	11/9/2008	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Anh	15,05	Nhì	Bái Tử Long
110	89231	BÙI HỒNG MINH SƠN	10/7/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	13,00	Ba	Bái Tử Long
111	89235	ĐÀO CÔNG VINH	24/9/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	12,35	K. Khích	Cẩm Thành
112	89238	PHẠM THỊ LAN ANH	04/02/2008	Quảng Xương, Thanh Hóa	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,25	Ba	Cẩm Sơn
113	89241	NGUYỄN ĐÀO TÙNG CHI	25/01/2008	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,50	Ba	Chu Văn An
114	89243	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	03/6/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,25	K. Khích	Cửa Ông
115	89244	NGUYỄN THU HÀ	24/4/2008	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	14,00	Nhì	Cửa Ông
116	89245	CAM THỊ NGỌC HẠ	07/10/2007	Bình Liêu, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	12,25	Ba	Mông Dương
117	89246	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	31/01/2008	TP Nam Định, Nam Định	Kinh	Nữ	8	GDCD	14,25	Nhất	Chu Văn An
118	89248	VŨ THỊ MAI HOA	03/7/2007	Yên Thế, Bắc Giang	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,25	K. Khích	Cẩm Thành
119	89249	LÊ THỊ KHÁNH HUYỀN	07/9/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	10,75	K. Khích	Mông Dương
120	89250	HOÀNG QUỲNH HƯƠNG	05/10/2008	TP Hải Phòng, Hải Phòng	Kinh	Nữ	8	GDCD	14,00	Nhì	Chu Văn An
121	89251	LÊ NGỌC KHUÊ	05/02/2008	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	14,75	Nhất	Cửa Ông
122	89252	HOÀNG THÙY LINH	26/8/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	13,00	Ba	Cẩm Thành
123	89253	NHŨ PHƯƠNG LINH	24/8/2008	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,00	Ba	Cửa Ông
124	89254	TRẦN PHƯƠNG LINH	27/8/2008	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	15,75	Nhất	Ngô Quyền
125	89255	LƯƠNG DIỆP MY	16/11/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,25	Ba	Cửa Ông
126	89257	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	24/01/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,50	Ba	Cẩm Thịnh
127	89260	LƯU THỊ LỆ QUYÊN	16/12/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,00	K. Khích	Cộng Hòa
128	89261	CÙ THỊ ANH THU	18/8/2007	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,25	Ba	Cộng Hòa
129	89263	HOÀNG NGỌC KHÁNH VY	11/5/2008	Cẩm Phả, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,00	Ba	Chu Văn An

(Danh sách trên có 129 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS
Khóa ngày 23/02/2022

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI
90-Phòng GDDT Hạ Long (A)

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	90001	LÝ PHƯƠNG ANH	24/11/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	9	Toán	13,25	Ba	Bãi Cháy
2	90003	PHẠM VĂN ANH	20/06/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	15,25	Nhì	Trần Quốc Toàn
3	90006	PHẠM MINH CHÂU	15/12/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	15,75	Nhì	Trọng Điểm
4	90007	NGÔ VIỆT DŨNG	18/10/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,00	Ba	Trần Quốc Toàn
5	90008	HOÀNG TRẦN ĐẠT	10/01/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,50	K. Khích	Trọng Điểm
6	90009	VŨ NGUYỄN MINH ĐỨC	29/08/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,75	K. Khích	Trới
7	90011	NGUYỄN SON HÀ	26/11/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	16,25	Nhì	Việt Hưng
8	90014	NGUYỄN HỮU HÙNG	16/02/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	14,50	Nhì	Cao Thắng
9	90017	VŨ TUẤN ANH KHOA	23/05/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,50	Ba	Trần Quốc Toàn
10	90019	PHAN LÊ ĐĂNG MINH	10/11/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,75	K. Khích	Trọng Điểm
11	90021	TRẦN VŨ THỤY MINH	03/04/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	16,50	Nhất	Trần Quốc Toàn
12	90022	NGUYỄN VŨ TRÀ MY	19/3/2007	Uông Bí-Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	13,00	Ba	Trọng Điểm
13	90023	VŨ HOÀNG NAM	21/02/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,00	Ba	Trọng Điểm
14	90024	BÙI TRUNG NGHĨA	23/01/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	14,75	Nhì	Trọng Điểm
15	90025	TRỊNH TUẤN NGHĨA	09/12/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	10,50	K. Khích	Trọng Điểm
16	90026	HOÀNG MINH NGUYỄN	17/01/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,50	K. Khích	Trọng Điểm
17	90029	ĐẶNG VŨ THÁI	15/09/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	14,50	Nhì	Trần Quốc Toàn
18	90030	VŨ ĐÌNH THẠCH	17/11/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,00	K. Khích	Bãi Cháy 2
19	90032	LÊ ANH THU	11/12/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	11,25	K. Khích	Trần Quốc Toàn
20	90035	NGUYỄN LÊ QUỐC VINH	14/09/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	12,25	K. Khích	Trần Quốc Toàn
21	90038	LÊ VƯƠNG THÁI AN	26/12/2007	Uông Bí-Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Vật lí	18,00	Nhì	Trọng Điểm
22	90039	NGUYỄN HOÀNG KỶ ANH	15/02/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	19,25	Nhất	Trọng Điểm
23	90043	PHẠM TẤN DŨNG	29/6/2007	Đông Triều - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	11,00	K. Khích	Trọng Điểm
24	90044	VŨ NHẬT ĐĂNG	10/9/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	13,00	K. Khích	Trọng Điểm
25	90045	VŨ ĐÌNH GIANG	29/7/2007	Nam Định	Kinh	Nam	9	Vật lí	17,50	Nhì	Trọng Điểm

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
26	90046	PHAN THỊ HẢI HÀ	28/3/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Vật lí	19,75	Nhất	Trọng Điểm
27	90048	NGUYỄN MINH HIẾU	12/7/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	15,75	Ba	Trọng Điểm
28	90049	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	08/10/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	18,25	Nhì	Trọng Điểm
29	90050	VŨ VIỆT HOÀNG	08/7/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	16,25	Ba	Trọng Điểm
30	90051	NGUYỄN QUANG HUY	01/6/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	17,00	Ba	Trọng Điểm
31	90052	TRẦN GIA HUY	04/3/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	19,25	Nhất	Trọng Điểm
32	90053	PHẠM GIA KHÁNH	18/09/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	18,25	Nhì	Trần Quốc Toàn
33	90054	PHẠM HOÀNG KHÔI	20/6/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	12,75	K. Khích	Trọng Điểm
34	90056	NGUYỄN THỦY LINH	29/5/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Vật lí	15,00	Ba	Trọng Điểm
35	90058	NGUYỄN NGỌC MAI	16/5/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Vật lí	13,75	K. Khích	Trọng Điểm
36	90059	HUỲNH BẢO MINH	03/06/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	13,00	K. Khích	Trần Quốc Toàn
37	90060	TRẦN HỒNG MINH	27/7/2007	Tiên Yên - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	15,00	Ba	Trọng Điểm
38	90061	VŨ NHẬT MINH	17/9/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Vật lí	16,50	Ba	Trọng Điểm
39	90063	NGUYỄN NHƯ PHÚC	18/10/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	12,25	K. Khích	Trọng Điểm
40	90065	NGUYỄN ĐỨC SƠN	07/6/2007	Thái Nguyên	Kinh	Nam	9	Vật lí	16,75	Ba	Trọng Điểm
41	90066	NGUYỄN MINH SƠN	24/12/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	17,75	Nhì	Trọng Điểm
42	90067	NGUYỄN PHÚC TRƯỜNG SƠN	25/12/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	12,50	K. Khích	Cao Thắng
43	90071	BÙI ANH TÚ	16/01/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	11,00	K. Khích	Trọng Điểm
44	90072	NGUYỄN MINH TUỜNG	14/12/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	11,75	K. Khích	Lê Văn Tám
45	90074	ĐOÀN BÙI ĐỨC ANH	07/10/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,00	K. Khích	Bãi Cháy 2
46	90076	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	14/01/2007	Thanh Miện - Hải Dương	Kinh	Nữ	9	Hóa học	15,00	Ba	Trọng Điểm
47	90078	NGUYỄN NGỌC LINH ĐAN	02/12/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	18,00	Nhất	Trọng Điểm
48	90079	TRẦN MINH ĐẠT	14/12/2007	Uông Bí-Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	15,75	Nhì	Trọng Điểm
49	90081	LÊ HƯƠNG GIANG	26/3/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	13,25	K. Khích	Trần Quốc Toàn
50	90082	LÊ BĂNG NGÂN HÀ	18/11/2007	Uông Bí- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	13,50	K. Khích	Bãi Cháy
51	90083	NGUYỄN XUÂN HẬU	15/02/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,00	K. Khích	Nguyễn Trãi
52	90086	ĐOÀN TRUNG HIẾU	27/12/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	16,00	Nhì	Bãi Cháy

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
53	90087	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	15/07/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,25	K. Khích	Trọng Điểm
54	90088	TRỊNH VIỆT HOÀNG	26/11/2007	Uông Bí-Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	15,00	Ba	Trọng Điểm
55	90089	LÝ GIA HUY	15/02/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,50	K. Khích	Văn Lang
56	90090	NGUYỄN GIA HUNG	22/11/2007	Thái Thụy - Thái Bình	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,75	K. Khích	Trọng Điểm
57	90092	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	12/01/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,25	K. Khích	Kim Đồng
58	90093	NGUYỄN VĂN HẢI LINH	10/12/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	17,25	Nhì	Trần Quốc Toàn
59	90094	BÙI NGUYỄN TRÀ MY	13/02/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	15,50	Ba	Bãi Cháy 2
60	90095	NGUYỄN HÀ MY	14/03/2007	Uông Bí-Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	15,50	Ba	Trọng Điểm
61	90096	NGUYỄN THỊ THÚY NGÂN	27/05/2008	Kim Động - Hưng Yên	Kinh	Nữ	8	Hóa học	12,75	K. Khích	Trần Quốc Toàn
62	90097	VŨ TRỌNG NHÂN	18/09/2007	Cẩm Phả - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	14,75	Ba	Trọng Điểm
63	90098	ĐÀO ĐỨC PHÚC	11/06/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	16,00	Nhì	Trới
64	90100	TRẦN HỒNG QUÂN	23/09/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Hóa học	12,50	K. Khích	Bãi Cháy
65	90104	PHAN THỊ MAI THU	20/06/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	12,75	K. Khích	Trọng Điểm
66	90105	LÊ PHƯƠNG THÚY	19/12/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	15,25	Ba	Trần Quốc Toàn
67	90106	NGUYỄN ANH THU	20/6/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	17,50	Nhì	Kim Đồng
68	90107	HOÀNG THU TRANG	18/3/2007	Uông Bí-Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	17,50	Nhì	Trọng Điểm
69	90109	TRƯƠNG BẢO AN	19/10/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	12,75	K. Khích	Việt Hưng
70	90110	NGUYỄN VIỆT ANH	21/9/2007	Hải Dương	Kinh	Nam	9C	Sinh học	15,00	Ba	Hà Trung
71	90113	HÀ THÙY DƯƠNG	08/4/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	15,25	Ba	Trọng Điểm
72	90114	HOÀNG THÙY DƯƠNG	30/10/2007	Uông Bí-Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	14,75	Ba	Trọng Điểm
73	90116	PHẠM NGUYỆT HÀ	15/8/2007	Tiên Lãng - Hải Phòng	Kinh	Nữ	9	Sinh học	16,25	Nhì	Trọng Điểm
74	90117	VŨ THU HIỀN	05/11/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	13,00	K. Khích	Bãi Cháy
75	90121	VŨ GIA KHÁNH	07/4/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	16,00	Nhì	Trọng Điểm
76	90123	HOÀNG KHÁNH LINH	14/9/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	12,50	K. Khích	Lý Tự Trọng
77	90126	PHẠM THÁI LINH	17/07/2007	Uông Bí- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	15,00	Ba	Bãi Cháy
78	90127	HOÀNG NGỌC MAI	22/01/2007	Ba Đình - Hà Nội	Kinh	Nữ	9	Sinh học	12,75	K. Khích	Bãi Cháy
79	90131	ĐỖ YẾN NGỌC	09/10/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	14,25	K. Khích	Việt Hưng

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
80	90132	TRẦN BẢO NGỌC	18/8/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	12,50	K. Khích	Cao Thắng
81	90133	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	25/6/2007	Yên Mỹ - Hưng Yên	Kinh	Nữ	9	Sinh học	16,50	Nhì	Kim Đồng
82	90138	ĐỖ THỊ THÙY TRANG	22/8/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	15,25	Ba	Cao Xanh
83	90139	NGUYỄN HỮU TRẮNG	13/10/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	12,75	K. Khích	Lê Văn Tám
84	90140	NGUYỄN HẢI TRIỀU	20/07/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	16,75	Nhì	Bãi Cháy
85	90142	TRỊNH KIẾN VŨ	19/10/2007	Tân Yên - Bắc Giang	Kinh	Nam	9	Sinh học	13,25	K. Khích	Kim Đồng
86	90151	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	25/01/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	12,05	K. Khích	Đoàn Thị Điểm
87	90152	TRƯƠNG TRỌNG HÒA	18/02/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tin học	11,75	K. Khích	Trọng Điểm
88	90155	NGUYỄN TUẤN KIẾT	06/05/2007	Hạ Long-Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	11,80	K. Khích	Bãi Cháy
89	90156	NGUYỄN CHI MAI	01/5/2008	Hà Nội	Kinh	Nữ	8	Tin học	9,10	K. Khích	Trọng Điểm
90	90158	TRẦN TIẾN MINH	09/12/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	12,90	Ba	Văn Lang
91	90162	NGUYỄN MINH TUẤN	28/12/2007	Hạ Long-Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tin học	18,05	Nhì	Bãi Cháy
92	90165	NGUYỄN QUỲNH CHI	30/8/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	12,50	Ba	Lê Văn Tám
93	90166	PHẠM ĐỨC CƯỜNG	20/03/2008	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Ngữ văn	11,50	K. Khích	Trới
94	90170	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	21/06/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,00	Nhì	Trới
95	90174	ĐÀO PHƯƠNG LINH	20/9/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	11,25	K. Khích	Lý Tự Trọng
96	90179	PHẠM PHƯƠNG LINH	26/08/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,25	Ba	Trọng Điểm
97	90181	VŨ CHI MAI	05/11/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,50	Ba	Hồng Hải
98	90183	VŨ HÀ MY	24/11/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	11,25	K. Khích	Trọng Điểm
99	90184	HOÀNG THỊ THU NGÂN	12/07/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	15,00	Nhất	Trới
100	90185	NGUYỄN THỊ LINH NGÂN	07/09/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	11,50	K. Khích	Bãi Cháy
101	90187	NGUYỄN HOÀNG THẢO NGUYỄN	15/08/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,25	Nhì	Bãi Cháy
102	90190	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG THẢO	18/01/2008	Uông Bí-Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Ngữ văn	12,50	Ba	Trọng Điểm
103	90191	TRẦN PHƯƠNG THẢO	01/01/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,00	K. Khích	Cao Thắng
104	90194	PHẠM MINH TRANG	27/4/2007	Cầm Phả - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,00	K. Khích	Lê Văn Tám
105	90199	LÊ TRẦN THU AN	09/9/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	11,75	K. Khích	Lý Tự Trọng
106	90200	HOÀNG THÙY ANH	27/7/2007	Nam Sách, Hải Dương	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,00	K. Khích	Cao Xanh

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
107	90202	PHẠM HẢI ANH	10/9/2007	Đồng Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,50	Nhì	Minh Khai
108	90206	VŨ MẠNH CƯỜNG	24/10/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Lịch sử	12,25	K. Khích	Trọng Điểm
109	90207	NGÔ THÙY DƯƠNG	04/3/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Lịch sử	12,75	K. Khích	Hà Trung
110	90215	BÙI QUỲNH HƯƠNG	02/12/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,50	Ba	Trọng Điểm
111	90220	PHẠM THÀNH LUÂN	04/6/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Lịch sử	14,00	Ba	Trọng Điểm
112	90224	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	22/10/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	11,75	K. Khích	Trọng Điểm
113	90225	NGUYỄN HẢI NINH	18/6/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Lịch sử	13,25	Ba	Hà Trung
114	90226	LÊ HÀ PHƯƠNG	17/8/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	14,25	Ba	Lê Văn Tám
115	90228	HOÀNG HÀ THU	15/01/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	11,75	K. Khích	Trọng Điểm
116	90229	BÙI HOÀNG TRANG	25/10/2007	Thái Thụy - Thái Bình	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,00	K. Khích	Trần Quốc Toàn
117	90241	NGUYỄN THỂ ANH	18/01/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	15,00	Nhì	Trọng Điểm
118	90242	VŨ NGỌC ANH	24/01/2007	Đồng Hưng - Thái Bình	Kinh	Nữ	9	Địa lí	13,00	Ba	Lê Văn Tám
119	90247	NGUYỄN VŨ THÙY DƯƠNG	09/07/2007	Tứ Kỳ - Hải Dương	Kinh	Nữ	9	Địa lí	10,75	K. Khích	Bãi Cháy 2
120	90249	NGUYỄN MINH HIẾU	24/12/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	12,50	Ba	Cao Thắng
121	90254	NGUYỄN PHI HÙNG	09/02/2007	Kiến Xương - Thái Bình	Kinh	Nam	9	Địa lí	14,25	Nhì	Trần Quốc Toàn
122	90255	TRẦN ANH KHÔI	27/01/2008	Hà Nội	Kinh	Nam	8	Địa lí	11,25	K. Khích	Đoàn Thị Điểm
123	90256	ĐỖ HÀ LINH	16/12/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,25	K. Khích	Cao Thắng
124	90257	HẠ THẢO LINH	19/01/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,75	K. Khích	Trần Quốc Toàn
125	90265	CHU BÙI MINH PHONG	13/10/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	14,00	Nhì	Trần Quốc Toàn
126	90266	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	25/04/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	13,75	Nhì	Trới
127	90267	ĐINH THỊ PHƯƠNG	11/11/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	13,25	Ba	Trới
128	90269	PHẠM NGỌC BẢO QUYÊN	03/10/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	15,25	Nhất	Trới
129	90271	PHẠM THU TRANG	29/03/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	11,50	K. Khích	Bãi Cháy
130	90297	TẶNG QUỲNH CHI	06/02/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,80	K. Khích	Trọng Điểm
131	90298	VŨ TRẦN KHÁNH CHI	07/10/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,90	Ba	Trọng Điểm
132	90299	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	13/06/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,60	Nhì	Trần Quốc Toàn
133	90300	PHẠM ANH DUY	14/8/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	11,85	K. Khích	Trọng Điểm

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
134	90301	ĐẶNG MINH DƯƠNG	01/12/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	14,45	Ba	Trọng Điểm
135	90302	NGUYỄN MINH DƯƠNG	09/11/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	13,30	Ba	Lý Tự Trọng
136	90303	MẠNH BẢO HÂN	22/02/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	13,35	Ba	Trọng Điểm
137	90304	NGUYỄN TRUNG HIẾU	28/09/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	13,45	Ba	Trọng Điểm
138	90306	ĐỖ THÀNH HUNG	06/10/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	14,75	Nhì	Trọng Điểm
139	90307	NGUYỄN VIỆT HUNG	17/12/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	14,65	Ba	Trần Quốc Toàn
140	90308	CAO LÊ THU HUƠNG	30/8/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	13,35	Ba	Trọng Điểm
141	90310	NGUYỄN THÁI PHÚC LÂM	17/3/2007	Uông Bí-Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	12,95	Ba	Trọng Điểm
142	90311	NGUYỄN HOÀNG LÂN	07/10/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	15,75	Nhất	Bãi Cháy 2
143	90312	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	24/12/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	15,70	Nhất	Trọng Điểm
144	90313	TRIỆU DIỆP LINH	04/05/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,90	Ba	Trọng Điểm
145	90314	VŨ TÙNG LINH	08/10/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	13,15	Ba	Cao Thắng
146	90315	VŨ KHÁNH LY	13/02/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	13,10	Ba	Trần Quốc Toàn
147	90318	PHẠM NGỌC MINH	21/03/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	12,75	K. Khích	Trọng Điểm
148	90319	ĐÀO HÀ MY	27/03/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	13,80	Ba	Trọng Điểm
149	90323	TRẦN THỊ MINH NGỌC	05/02/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,00	K. Khích	Trọng Điểm
150	90326	NGUYỄN THỊ VÂN SANG	07/06/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Anh	12,95	Ba	Bãi Cháy
151	90327	NGUYỄN THU UYÊN	15/02/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,55	Ba	Trọng Điểm
152	90328	NGUYỄN THỦY AN	14/11/2007	Budapest, Hungary	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	18,10	Nhất	Hòn Gai
153	90329	LÊ HOÀNG NGÂN ANH	17/01/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	15,25	K. Khích	Hòn Gai
154	90333	PHẠM HÀ CHI	27/01/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	16,00	Ba	Hòn Gai
155	90334	ĐÀO NGỌC DIỆP	04/10/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	17,05	Ba	Hòn Gai
156	90341	PHẠM THU HÀ	13/5/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	16,15	Ba	Hòn Gai
157	90342	LÊ VŨ NGỌC HẢI	08/4/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	17,75	Nhì	Hòn Gai
158	90348	PHẠM QUANG MINH	19/10/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Pháp	17,20	Ba	Hòn Gai
159	90350	PHẠM YẾN NHI	28/3/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	15,90	K. Khích	Hòn Gai
160	90351	PHÙNG CHÂN NHƯ	16/7/2008	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Pháp	15,80	K. Khích	Hòn Gai

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
161	90352	LẠI NGỌC OANH	08/11/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	15,60	K. Khích	Hòn Gai
162	90354	ĐOÀN THANH TÂM	17/9/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	17,00	Ba	Hòn Gai
163	90355	HỒ THANH TRÚC	26/5/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	15,85	K. Khích	Hòn Gai
164	90356	VŨ PHƯƠNG UYÊN	30/01/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	17,95	Nhì	Hòn Gai
165	90357	NGUYỄN HOÀNG YẾN	26/9/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Pháp	15,55	K. Khích	Hòn Gai
166	90359	LUU LAN ANH	20/03/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Trung Quốc	13,25	Ba	Trần Quốc Toàn
167	90361	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	24/05/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	11,40	K. Khích	Trần Quốc Toàn
168	90362	NGUYỄN VŨ HÀ ANH	23/12/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	10,80	K. Khích	Trần Quốc Toàn
169	90367	BÙI HOÀNG GIA HÂN	25/11/2007	Lạng Sơn	Tày	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	13,65	Ba	Trọng Điểm
170	90369	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	23/01/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Trung Quốc	12,60	K. Khích	Bãi Cháy 2
171	90388	TRẦN HÀ ANH	12/10/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,50	K. Khích	Văn Lang
172	90389	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	28/6/2008	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,25	Ba	Cao Thắng
173	90393	NGUYỄN VĂN DUY	11/5/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	GDCD	11,75	Ba	Nguyễn Viết Xuân
174	90403	NGUYỄN KIM NGÂN	07/9/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,25	Ba	Kim Đồng
175	90404	BÙI BẢO NGỌC	10/02/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,00	K. Khích	Kim Đồng
176	90406	TẠ MINH NGỌC	01/10/2009	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7	GDCD	11,00	K. Khích	Trọng Điểm
177	90408	VŨ MINH NGỌC	20/05/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	13,00	Ba	Bãi Cháy
178	90414	BÙI VŨ MINH THU	02/01/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,00	K. Khích	Kim Đồng
179	90416	NGUYỄN PHƯƠNG TRINH	31/7/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	10,75	K. Khích	Kim Đồng

(Danh sách trên có 179 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS
Khóa ngày 23/02/2022

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI
91-Phòng GDĐT Hạ Long (B)

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	90037	LÊ NGỌC TRẮNG	28/9/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	10,50	K. Khích	Thống Nhất
2	90144	BÙI THỊ HẬU	01/01/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	18,50	Nhất	Lê Lợi
3	90146	TRƯƠNG THỊ TÂM	10/9/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	15,75	Ba	Lê Lợi
4	90147	BÙI THỊ THU TRANG	18/5/2008	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Sinh học	13,25	K. Khích	Lê Lợi
5	90232	BÙI ÁNH DƯƠNG	17/9/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,25	Ba	Quảng La
6	90239	NGUYỄN QUỐC VIỆT	01/12/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Lịch sử	14,50	Nhì	Quảng La
7	90275	TRIỆU KIM CƯƠNG	30/10/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Dao	Nam	9	Địa lí	10,75	K. Khích	Nội trú Hoành Bồ
8	90276	TRIỆU THỊ DUNG	14/11/2007	Hoành Bồ, Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	Địa lí	11,75	Ba	Đồng Lâm 1
9	90277	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	31/12/2007	Móng Cái - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	11,25	K. Khích	Núi Mần
10	90278	TRẦN THỊ THU HIỀN	17/01/2008	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	11,50	Ba	Lê Lợi
11	90279	VŨ NGỌC HOA	18/02/2008	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	10,50	K. Khích	Lê Lợi
12	90280	NGUYỄN KHÁNH LY	18/6/2008	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	13,00	Nhì	Lê Lợi
13	90283	NGUYỄN TRẦN UYÊN NHI	06/6/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	10,75	K. Khích	Thống Nhất
14	90284	NGỌC QUỲNH NHƯ	12/01/2007	Sơn Động, Bắc Giang	Dao	Nữ	9	Địa lí	11,50	Ba	Tân Dân
15	90287	NGUYỄN HÀ TRANG	23/5/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,50	Ba	Thống Nhất
16	90289	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	26/9/2007	Hoành Bồ, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	14,50	Nhì	Đồng Lâm 1
17	90290	NGUYỄN THỊ TUYẾT	13/6/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	14,25	Nhì	Lê Lợi
18	90292	PHAN LỆ XUÂN	16/8/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,00	K. Khích	Thống Nhất
19	90420	NGUYỄN THỊ LAN ANH	27/10/2008	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	9,75	K. Khích	Lê Lợi
20	90421	BÙI QUỲNH CHI	15/9/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	12,50	Nhì	Lê Lợi
21	90422	HÀ THỊ DUYÊN	16/4/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	9,75	K. Khích	Thống Nhất
22	90424	LÝ KIỀU LIÊN	04/09/2008	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Dao	Nữ	8	GDCD	10,75	Ba	Nội trú Hoành Bồ
23	90425	BÙI MINH NGUYỆT	07/01/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,50	Ba	Quảng La
24	90426	LINH THỊ ÁI NHI	01/04/2008	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Dao	Nữ	8	GDCD	11,00	Ba	Nội trú Hoành Bồ

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
25	90427	HOÀNG HỒNG NHUNG	03/03/2008	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	12,50	Nhì	Lê Lợi
26	90428	LÝ THU PHƯƠNG	22/01/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	GDCD	10,50	K. Khích	Quảng La
27	90429	LINH THỊ QUỲNH	07/11/2008	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Dao	Nữ	8	GDCD	10,00	K. Khích	Nội trú Hoành Bồ
28	90430	ĐẶNG THỊ THẨM	07/06/2008	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Dao	Nữ	8	GDCD	11,50	Ba	Nội trú Hoành Bồ
29	90432	LINH THỊ HỒNG THÚY	28/10/2008	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Dao	Nữ	8	GDCD	11,75	Ba	Nội trú Hoành Bồ
30	90433	HOÀNG THỊ THƯƠNG	13/7/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Hoa	Nữ	9	GDCD	11,75	Ba	Bằng Cả
31	90434	NGÔ THỊ TRANG	24/03/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	10,00	K. Khích	Lê Lợi
32	90435	TRẦN BẢO VÂN	17/01/2007	Hoành Bồ - Quảng Ninh	Dao	Nữ	9	GDCD	10,50	K. Khích	Bằng Cả
33	90436	GIÁP THỊ YẾN VI	09/6/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	10,50	K. Khích	Quảng La

(Danh sách trên có 33 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS
Khóa ngày 23/02/2022

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI
92-Phòng GDDT Quảng Yên

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	91001	NGUYỄN LINH ANH	27/03/2007	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Toán	16,00	Nhì	Lê Quý Đôn
2	91002	VŨ DUY ANH	22/9/2007	Yên Hưng Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Toán	10,50	K. Khích	Yên Hải
3	91005	BÙI ĐÔNG HẢI	10/5/2007	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Toán	10,50	K. Khích	Hiệp Hòa
4	91006	TRẦN THỊ NGỌC HOA	12/04/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9E	Toán	14,75	Nhì	Minh Thành
5	91007	VŨ VIỆT HÙNG	28/07/2008	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A	Toán	16,00	Nhì	Lê Quý Đôn
6	91008	ĐÀO MAI LAN	01/03/2008	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A	Toán	14,00	Ba	Lê Quý Đôn
7	91012	NGUYỄN MINH NGUYỆT	07/12/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9E	Toán	10,25	K. Khích	Minh Thành
8	91014	NGUYỄN ĐỨC NINH	16/06/2007	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nam	9C	Toán	12,25	K. Khích	Lê Quý Đôn
9	91015	PHẠM TIỀN SON	15/06/2007	Uông Bí- Quảng Ninh	Kinh	Nam	9C	Toán	14,50	Nhì	Lê Quý Đôn
10	91016	NGUYỄN PHÚC THANH	02/01/2007	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nam	9C	Toán	16,00	Nhì	Lê Quý Đôn
11	91018	BÙI ĐỨC CUÔNG	09/7/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	13,50	K. Khích	Sông Khoai
12	91026	TRẦN TUẤN HÙNG	18/08/2008	Thành phố Thái Bình	Kinh	Nam	8A	Vật lí	14,00	K. Khích	Lê Quý Đôn
13	91027	ĐÌNH QUANG LONG	14/9/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Vật lí	17,25	Nhì	Hiệp Hòa
14	91033	LÊ THỊ HỒNG ANH	08/06/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Hóa học	16,00	Nhì	Lê Quý Đôn
15	91035	BÙI NHẬT GIANG	30/10/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Hóa học	13,00	K. Khích	Sông Khoai
16	91037	BÙI THỊ CẨM HẰNG	18/10/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Hóa học	14,00	Ba	Sông Khoai
17	91039	TRẦN VIỆT HÙNG	28/02/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9C	Hóa học	14,75	Ba	Lê Quý Đôn
18	91040	PHẠM HUY HÙNG	09/08/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9B	Hóa học	14,00	Ba	Lê Quý Đôn
19	91041	PHẠM HOÀNG MAI	21/02/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Hóa học	16,75	Nhì	Lê Quý Đôn
20	91047	NGUYỄN LAN ANH	28/10/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9c	Sinh học	12,50	K. Khích	Hiệp Hòa
21	91048	VŨ TIỀN DUY	31/12/2007	Hải Phòng	Kinh	Nam	9A	Sinh học	15,00	Ba	Hà An
22	91049	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	28/7/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9E	Sinh học	14,00	K. Khích	Minh Thành
23	91050	NGUYỄN CHÂU GIANG	04/11/2007	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9c	Sinh học	14,75	Ba	Hiệp Hòa
24	91056	ĐÌNH THỊ THÙY LINH	12/8/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Sinh học	15,25	Ba	Cộng Hòa

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
25	91057	PHẠM THANH MAI	15/5/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Sinh học	15,25	Ba	Lê Quý Đôn
26	91058	HOÀNG THU THỦY	12/01/2008	Hồng Bàng - Hải Phòng	Kinh	Nữ	8B	Sinh học	13,00	K. Khích	Lê Quý Đôn
27	91059	ĐÌNH THỊ DIỆU THÚY	06/6/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9a	Sinh học	12,25	K. Khích	Hiệp Hòa
28	91062	BÙI THỊ LAN ANH	20/8/2007	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D	Ngữ văn	12,25	Ba	Lê Quý Đôn
29	91063	PHẠM MAI CHI	28/6/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	13,00	Ba	Cộng Hòa
30	91064	VŨ THỊ QUỲNH CHI	12/06/2007	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	14,00	Nhì	Hà An
31	91065	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	04/01/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	13,00	Ba	Đông Mai
32	91066	PHẠM THỊ NGỌC HÂN	23/3/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Ngữ văn	11,50	K. Khích	Cộng Hòa
33	91068	BÙI THỊ THU HUYỀN	19/9/2007	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	12,00	K. Khích	Hiệp Hòa
34	91071	ĐÌNH THỊ HƯƠNG	22/01/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	11,75	K. Khích	Hiệp Hòa
35	91072	ĐÌNH THỊ THÙY LINH	14/10/2008	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A	Ngữ văn	11,75	K. Khích	Sông Khoai
36	91073	PHẠM THỊ LÝ	29/08/2008	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A	Ngữ văn	11,75	K. Khích	Sông Khoai
37	91074	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	01/02/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	12,00	K. Khích	Hiệp Hòa
38	91075	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	19/07/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	11,50	K. Khích	Hà An
39	91076	ĐỖ THỊ HẢI PHƯƠNG	01/02/2007	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Ngữ văn	12,25	Ba	Lê Quý Đôn
40	91077	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	05/12/2007	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	14,00	Nhì	Hà An
41	91078	PHẠM THỊ THẢO	13/01/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	12,00	K. Khích	Sông Khoai
42	91081	LƯƠNG THỊ NGỌC YẾN	20/01/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D	Ngữ văn	13,75	Nhì	Lê Quý Đôn
43	91082	BÙI PHƯƠNG ANH	11/02/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9E	Lịch sử	12,00	K. Khích	Mình Thành
44	91083	DƯƠNG PHƯƠNG ANH	27/08/2008	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8B	Lịch sử	13,00	K. Khích	Phong Cốc
45	91088	LÊ THỊ THU HUYỀN	06/06/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Lịch sử	13,00	K. Khích	Hà An
46	91089	VŨ THỊ THU HUYỀN	01/03/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Lịch sử	15,00	Nhì	Tiền An
47	91090	ĐẶNG LÊ HẢI LINH	12/4/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Lịch sử	16,00	Nhì	Lê Quý Đôn
48	91092	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	05/03/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Lịch sử	11,75	K. Khích	Phong Cốc
49	91093	TRẦN THÙY LINH	27/03/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Lịch sử	12,50	K. Khích	Tiền An
50	91094	VŨ KHÁNH LINH	26/8/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Lịch sử	14,00	Ba	Tân An
51	91095	BÙI THỊ NGỌC MAI	19/06/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Lịch sử	16,25	Nhì	Tiền An

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
52	91097	LÊ THỊ MAI	12/9/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Lịch sử	12,50	K. Khích	Tiền Phong
53	91098	ĐOÀN VĂN NAM	14/05/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9B	Lịch sử	14,00	Ba	Tiền An
54	91100	ĐÌNH THỊ QUỲNH NHƯ	28/03/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9b	Lịch sử	13,25	Ba	Hiệp Hòa
55	91101	ĐÌNH THỊ XUÂN PHƯƠNG	28/9/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Lịch sử	16,50	Nhất	Sông Khoai
56	91102	VŨ GIANG QUYÊN	28/01/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Lịch sử	16,25	Nhì	Lê Quý Đôn
57	91103	VŨ THỊ QUỲNH	16/11/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Lịch sử	12,50	K. Khích	Tiền An
58	91105	ĐÌNH THỊ PHƯƠNG THẢO	24/11/2007	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Lịch sử	12,00	K. Khích	Trần Hưng Đạo
59	91106	LÊ PHƯƠNG THẢO	12/03/2008	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A	Lịch sử	12,75	K. Khích	Liên Hòa
60	91107	VŨ THỊ THẢO	03/10/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Lịch sử	13,00	K. Khích	Phong Cốc
61	91108	BÙI HUYỀN TRANG	07/07/2008	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8B	Lịch sử	12,50	K. Khích	Phong Cốc
62	91110	BÙI THỊ VÂN	04/02/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Lịch sử	12,25	K. Khích	Liên Vị
63	91111	HỒ KHÁNH VY	26/4/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Lịch sử	15,75	Nhì	Lê Quý Đôn
64	91112	ĐỖ NGỌC ÁNH	05/06/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Địa lí	12,25	Ba	Liên Vị
65	91113	BÙI VĂN DŨNG	23/08/2007	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nam	9b	Địa lí	12,25	Ba	Hiệp Hòa
66	91114	VŨ MINH HIẾU	07/8/2008	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nam	8D	Địa lí	10,75	K. Khích	Lê Quý Đôn
67	91116	LÊ QUANG HOÀN	25/06/2008	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nam	8B	Địa lí	11,00	K. Khích	Lê Quý Đôn
68	91117	BÙI ÁNH HỒNG	01/01/2007	Yên Phong- Bắc Ninh	Kinh	Nữ	9D	Địa lí	12,00	K. Khích	Lê Quý Đôn
69	91122	ĐÌNH THÚY NGA	16/04/2007	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Địa lí	11,25	K. Khích	Nam Hòa
70	91127	HOÀNG THANH SON	29/03/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9B	Địa lí	13,00	Ba	Liên Hòa
71	91128	NGUYỄN THU THẢO	08/10/2007	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D	Địa lí	12,00	K. Khích	Lê Quý Đôn
72	91131	VŨ THÙY TRANG	08/05/2007	Yên Hưng- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D	Địa lí	14,00	Nhì	Lê Quý Đôn
73	91133	TRẦN HẢI ANH	10/12/2008	Uông Bí- Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A	Tiếng Anh	11,75	K. Khích	Trần Hưng Đạo
74	91139	NGUYỄN HUYỀN LINH	11/01/2008	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C	Tiếng Anh	12,75	K. Khích	Lê Quý Đôn
75	91141	HOÀNG MAI TRANG	19/9/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D	Tiếng Anh	17,00	Nhất	Lê Quý Đôn
76	91142	BÙI MINH TUẤN	31/8/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nam	9C	Tiếng Anh	14,65	Ba	Lê Quý Đôn
77	91143	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	28/02/2008	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C	GDCD	13,50	Nhì	Lê Quý Đôn
78	91144	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	24/10/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D	GDCD	12,75	Ba	Minh Thành

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
79	91148	VŨ THU HÀ	23/9/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A	GDCD	13,25	Nhì	Trần Hưng Đạo
80	91149	LÊ THỊ MINH HẠNH	12/9/2008	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C	GDCD	13,25	Nhì	Lê Quý Đôn
81	91150	ĐÌNH THỊ HIỀN	07/12/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	GDCD	14,00	Nhì	Hiệp Hòa
82	91151	DƯƠNG MỸ HOA	04/6/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	GDCD	11,00	K. Khích	Trần Hưng Đạo
83	91152	BÙI VŨ KHÁNH HUYỀN	01/01/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	GDCD	12,50	Ba	Trần Hưng Đạo
84	91153	LÊ KHÁNH HUYỀN	12/3/2008	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8B	GDCD	11,50	K. Khích	Lê Quý Đôn
85	91154	PHÙNG THANH HƯƠNG	15/9/2008	Hạ Long - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8E	GDCD	10,75	K. Khích	Minh Thành
86	91155	VŨ NGỌC KHUÊ	28/11/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	GDCD	11,75	Ba	Liên Hòa
87	91156	ĐÌNH THỊ TUYẾT LAN	18/01/2008	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A	GDCD	12,75	Ba	Hiệp Hòa
88	91159	ĐÌNH VŨ VIỆT NGÀ	05/4/2008	Ucraina	Kinh	Nữ	8C	GDCD	13,50	Nhì	Lê Quý Đôn
89	91160	NGUYỄN THỊ NGÀ	30/01/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	GDCD	13,50	Nhì	Cộng Hòa
90	91161	NGUYỄN HÀ NGÂN	20/01/2008	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8B	GDCD	10,75	K. Khích	Lê Quý Đôn
91	91162	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	03/10/2008	Hải Phòng	Kinh	Nữ	8B	GDCD	11,25	K. Khích	Lê Quý Đôn
92	91164	VŨ YẾN NHI	01/02/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	GDCD	13,75	Nhì	Lê Quý Đôn
93	91165	NGÔ HOÀNG NGỌC PHƯƠNG	29/12/2007	Uông Bí - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D	GDCD	13,75	Nhì	Minh Thành
94	91166	VŨ PHƯƠNG THẢO	13/6/2008	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8A	GDCD	12,50	Ba	Liên Hòa
95	91167	PHẠM THỊ THANH THU	05/02/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	GDCD	13,75	Nhì	Cầm La
96	91169	ĐÀM THỊ THANH TRÚC	22/12/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	GDCD	13,75	Nhì	Tiền An
97	91170	ĐẶNG THANH TUYỀN	11/3/2009	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7C	GDCD	12,25	Ba	Yên Hải
98	91171	NGUYỄN THỊ VÂN	29/08/2007	Yên Hưng - Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	GDCD	11,25	K. Khích	Phong Cốc

(Danh sách trên có 98 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS
 Khóa ngày 23/02/2022

DANH SÁCH HỌC SINH ĐOẠT GIẢI
93-Phòng GDDT Ưông Bí

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	92002	NGUYỄN QUỲNH CHI	26/9/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	11,50	K. Khích	Trần Quốc Toàn
2	92004	LÊ ANH DUY	27/9/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	14,50	Nhì	Trần Quốc Toàn
3	92010	LÊ THÀNH NAM	25/10/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	13,50	Ba	Phương Đông
4	92013	LƯƠNG TRẦN PHƯƠNG THẢO	18/7/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	10,75	K. Khích	Trần Quốc Toàn
5	92016	PHẠM NGỌC TRÀ	24/9/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	12,00	K. Khích	Phương Đông
6	92017	NGUYỄN THẾ TRUNG	27/6/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,25	K. Khích	Nguyễn Trải
7	92018	ĐẶNG ĐĂNG TUẤN	12/01/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Toán	11,00	K. Khích	Trần Quốc Toàn
8	92023	NGUYỄN MINH ĐỨC	16/02/2009	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	7	Vật lí	12,50	K. Khích	Nguyễn Trải
9	92024	NGUYỄN TRÀ GIANG	31/8/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Vật lí	17,50	Nhì	Thực hành sư phạm
10	92028	VŨ THÚY NGA	21/9/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Vật lí	15,75	Ba	Nguyễn Trải
11	92032	LẠI SƠN TÙNG	26/5/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Vật lí	19,25	Nhất	Nguyễn Trải
12	92039	TRỊNH GIA HUNG	07/10/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	12,75	K. Khích	Nguyễn Trải
13	92040	NGUYỄN HỮU BÌNH NGUYỄN	17/9/2007	Hạ Long, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,75	K. Khích	Thực hành sư phạm
14	92045	HOÀNG QUANG TIẾN	26/01/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	14,50	Ba	Trần Quốc Toàn
15	92047	HOÀNG NGỌC ÁNH	22/3/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	12,50	K. Khích	Trần Quốc Toàn
16	92056	NGÔ THỊ THU MINH	05/5/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	15,75	Nhì	Trần Quốc Toàn
17	92061	ĐỖ THẾ SƠN	18/9/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Sinh học	17,50	Nhì	Trần Quốc Toàn
18	92062	NGUYỄN CẢNH SƠN	18/12/2007	Hà Nội	Kinh	Nam	9	Sinh học	15,50	Ba	Phương Đông
19	92063	PHÙNG NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	01/8/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Sinh học	13,75	K. Khích	Phương Nam
20	92065	HỨA MẠNH TUẤN	03/8/2008	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Sinh học	15,00	Ba	Trung Vương
21	92069	TRẦN HUYỀN CHI	08/4/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,00	K. Khích	Trần Quốc Toàn
22	92071	BÙI PHẠM NGỌC HÀ	16/10/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,75	Ba	Nguyễn Trải
23	92072	NGUYỄN PHƯƠNG HÀ	22/01/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	Ba	Nam Khê
24	92081	VŨ THỊ PHƯƠNG LINH	16/01/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	Ba	Trần Quốc Toàn
25	92082	DƯƠNG HỒNG NGỌC	17/5/2007	Ưông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	14,00	Nhì	Nam Khê

TT	Số báo danh	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
26	92094	LÊ BẢO TRÂM	ANH	18/9/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	15,75	Nhì	Nguyễn Trãi
27	92095	PHAN MAI	ANH	03/9/2008	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Lịch sử	12,50	K. Khích	Thực hành sư phạm
28	92100	ĐỖ GIA BẢO	CHÂU	24/10/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,25	K. Khích	Nguyễn Trãi
29	92102	ĐOÀN MAI HƯƠNG	GIANG	13/5/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	13,75	Ba	Trần Quốc Toàn
30	92103	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	HUYỀN	18/01/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	11,75	K. Khích	Trần Quốc Toàn
31	92108	TỔNG HỒNG	NGỌC	18/10/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Lịch sử	12,50	K. Khích	Nguyễn Trãi
32	92117	HOÀNG THI PHƯƠNG	LINH	21/5/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	Địa lí	13,25	Ba	Trần Quốc Toàn
33	92118	NGUYỄN MAI	LINH	01/9/2007	Móng Cái, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,50	K. Khích	Bắc Sơn
34	92120	LÊ HẢI	NAM	13/10/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Địa lí	11,50	K. Khích	Nguyễn Văn Cừ
35	92132	CÙ NGỌC	DIỆP	03/11/2008	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Tiếng Anh	12,25	K. Khích	Trần Quốc Toàn
36	92135	ĐẶNG THU	HÀNG	09/10/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,80	Nhì	Trần Quốc Toàn
37	92136	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	04/01/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,75	Nhì	Nguyễn Trãi
38	92137	TRẦN KHÁNH	HUYỀN	11/10/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,00	Ba	Trần Quốc Toàn
39	92139	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	17/7/2008	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8	Tiếng Anh	12,60	K. Khích	Trần Quốc Toàn
40	92142	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	29/5/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	12,30	K. Khích	Nguyễn Trãi
41	92143	NGUYỄN VIỆT	LINH	14/3/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	12,85	Ba	Trần Quốc Toàn
42	92144	VŨ PHƯƠNG	NGA	02/5/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	13,00	Ba	Trần Quốc Toàn
43	92145	VŨ NGUYỄN	PHONG	27/7/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Tiếng Anh	12,05	K. Khích	Nguyễn Trãi
44	92148	HOÀNG THU	TRANG	06/5/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Tiếng Anh	14,85	Nhì	Trần Quốc Toàn
45	92149	DƯƠNG LAN	ANH	01/6/2008	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,00	K. Khích	Nguyễn Trãi
46	92157	LÃ THỊ LAN	HƯƠNG	13/02/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	13,00	Ba	Yên Thanh
47	92159	ĐOÀN VŨ PHƯƠNG	LINH	03/02/2008	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	GDCD	11,25	K. Khích	Thực hành sư phạm
48	92168	HOÀNG CẨM	TÚ	26/4/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	13,00	Ba	Nguyễn Trãi

(Danh sách trên có 48 học sinh)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH THCS
Khóa ngày 23/02/2022

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
94-Phòng GDDT Đông Triều

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
1	93002	NGÔ HOÀNG TUẤN ANH	29/12/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D2	Toán	12,00	K. Khích	Mạo Khê II
2	93006	ĐỖ GIA BÁCH	01/01/2007	Hoàng Mai , Hà Nội	Kinh	Nam	9D2	Toán	11,75	K. Khích	Mạo Khê II
3	93007	PHẠM LINH CHI	24/8/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	13,75	Ba	Mạo Khê I
4	93008	LƯU THU CÚC	17/10/2007	Cầu Giấy , Hà Nội	Kinh	Nữ	9A	Toán	14,00	Ba	Nguyễn Đức Cảnh
5	93012	MAI THANH HẰNG	03/8/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Toán	15,25	Nhì	Mạo Khê I
6	93013	HÀ BẢO HÂN	30/4/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D1	Toán	13,50	Ba	Nguyễn Du
7	93017	PHẠM LÊ HUY	12/12/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nam	9B	Toán	10,75	K. Khích	Xuân Sơn
8	93018	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	18/9/2007	BV Đa khoa Hưng Yên	Kinh	Nữ	9	Toán	13,50	Ba	Mạo Khê I
9	93020	NGUYỄN NHẬT MINH	01/11/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Toán	10,25	K. Khích	Hung Đạo
10	93024	CHU NGUYỄN THỂ QUANG	07/4/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Toán	11,25	K. Khích	Đức Chính
11	93027	HOÀNG MINH TÂM	10/01/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D2	Toán	13,75	Ba	Mạo Khê II
12	93028	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	09/11/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D2	Toán	12,75	K. Khích	Mạo Khê II
13	93029	NINH QUANG THẮNG	08/9/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D2	Toán	18,25	Nhất	Mạo Khê II
14	93030	ĐẶNG MINH TIẾN	29/4/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D2	Toán	13,50	Ba	Mạo Khê II
15	93033	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	04/12/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D3	Vật lí	13,50	K. Khích	Nguyễn Du
16	93035	ĐỖ MINH HIẾU	09/02/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Vật lí	12,75	K. Khích	Hung Đạo
17	93041	DƯƠNG ĐĂNG KHÔI	07/5/2008	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nam	8C1	Vật lí	12,50	K. Khích	Nguyễn Du
18	93042	NGUYỄN HÀ LINH	04/3/2008	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8B	Vật lí	14,25	Ba	Xuân Sơn
19	93045	TRẦN MINH QUÂN	08/12/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Vật lí	17,25	Nhì	Nguyễn Du
20	93047	NGUYỄN THÁI SƠN	27/5/2008	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nam	8B	Vật lí	11,75	K. Khích	Xuân Sơn
21	93050	ĐỖ VĂN TOÀN	07/6/2007	Kinh Môn, Hải Dương	Kinh	Nam	9D3	Vật lí	12,00	K. Khích	Lê Hồng Phong
22	93054	VŨ NGUYỄN TẤN DŨNG	25/6/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	13,75	K. Khích	Nguyễn Huệ
23	93055	ĐỖ BÌNH DƯƠNG	30/6/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Hóa học	13,00	K. Khích	Hung Đạo
24	93057	TRẦN THỊ ÁNH DƯƠNG	16/5/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Hóa học	14,25	Ba	Thủy An
25	93059	VŨ HỒNG HẠNH	01/5/2007	TP Biên Hòa, Đồng Nai	Kinh	Nữ	9	Hóa học	15,00	Ba	Tràng An

TT	Số báo danh	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
26	93062	VŨ MINH	KHIẾT	18/4/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nam	9	Hóa học	15,00	Ba	Mạo Khê I
27	93063	PHẠM GIA	LINH	21/8/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D1	Hóa học	13,75	K. Khích	Nguyễn Du
28	93064	NGUYỄN TRẦN	LONG	06/3/2008	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nam	8C2	Hóa học	13,75	K. Khích	Mạo Khê II
29	93066	NGÔ XUÂN	LỘC	26/10/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Hóa học	16,50	Nhì	Nguyễn Du
30	93067	NGUYỄN NGỌC THANH	NGÂN	11/11/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D1	Hóa học	12,50	K. Khích	Mạo Khê II
31	93073	NGUYỄN HOÀNG THANH	THƯ	03/12/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D2	Hóa học	14,75	Ba	Mạo Khê II
32	93074	NGUYỄN THANH	TRÀ	20/9/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D2	Hóa học	12,50	K. Khích	Mạo Khê II
33	93077	ĐẶNG THỊ Ý	ANH	25/10/2008	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C2	Sinh học	15,00	Ba	Mạo Khê II
34	93083	LÊ HỒNG	HẢI	27/5/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D8	Sinh học	15,75	Nhì	Mạo Khê II
35	93086	NGUYỄN KHÁNH	LINH	23/12/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Sinh học	12,75	K. Khích	Bình Dương
36	93087	BÙI NGUYỄN KHÁNH	LY	22/3/2008	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C	Sinh học	17,00	Nhì	Hoàng Quế
37	93088	TRỊNH PHƯƠNG	NGUYỄN	28/02/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D1	Sinh học	17,75	Nhất	Bình Khê
38	93089	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	27/4/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D2	Sinh học	17,75	Nhất	Kim Sơn
39	93090	ĐÀO PHƯƠNG	THẢO	07/9/2008	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8B	Sinh học	12,50	K. Khích	Nguyễn Đức Cảnh
40	93093	LÊ ANH	TIẾN	24/9/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Sinh học	14,75	Ba	Bình Dương
41	93095	NGUYỄN HỒ HUYỀN	TRANG	05/4/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D1	Sinh học	14,25	K. Khích	Bình Khê
42	93096	VŨ THỦY	TRANG	24/8/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Sinh học	16,50	Nhì	Hưng Đạo
43	93097	ĐỖ PHƯƠNG	TRÀ	22/11/2008	BV Phụ sản Hà Nội	Kinh	Nữ	8C2	Sinh học	15,00	Ba	Mạo Khê II
44	93099	ĐÀO THỊ THU	VÂN	22/9/2007	Khoái Châu , Hưng Yên	Kinh	Nữ	9A	Sinh học	15,25	Ba	Hoàng Quế
45	93100	NGUYỄN HẢI	ANH	07/6/2008	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nam	8B	Tin học	18,20	Nhất	Xuân Sơn
46	93103	TRƯƠNG HẢI	ANH	17/10/2008	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C8	Tin học	10,70	K. Khích	Mạo Khê II
47	93109	VŨ THÀNH	ĐẠT	09/6/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Tin học	16,25	Ba	Nguyễn Du
48	93111	NGUYỄN NHẬT	ĐỨC	21/8/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D2	Tin học	12,75	Ba	Kim Sơn
49	93112	VŨ HƯƠNG	GIANG	18/6/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D2	Tin học	17,90	Nhì	Mạo Khê II
50	93115	TÔ BẢO	HÂN	22/8/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D3	Tin học	14,00	Ba	Nguyễn Du
51	93116	TRẦN VŨ BẢO	HÂN	06/11/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D2	Tin học	14,90	Ba	Mạo Khê II
52	93121	VŨ HẢI	PHONG	14/6/2008	Nghĩa Hưng , Nam Định	Kinh	Nam	8C8	Tin học	10,10	K. Khích	Mạo Khê II

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
53	93123	TRỊNH VĂN SƠN	08/7/2008	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nam	8A	Tin học	10,50	K. Khích	An Sinh
54	93124	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	08/9/2008	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nam	8B	Tin học	15,50	Ba	Hoàng Quế
55	93126	LƯU TIẾN TRUNG	23/06/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Sán Dìu	Nam	9D4	Tin học	17,90	Nhì	Bình Khê
56	93127	TRẦN THÚY AN	11/4/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,50	Ba	Mạo Khê I
57	93128	NGÔ QUỲNH ANH	21/9/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Ngữ văn	13,75	Nhì	Hoàng Quế
58	93129	NGUYỄN NGỌC ANH	28/10/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	11,75	K. Khích	Yên Đức
59	93131	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	08/7/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	13,00	Ba	Mạo Khê I
60	93132	VŨ THỊ NGỌC ANH	08/02/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Ngữ văn	12,25	Ba	Mạo Khê I
61	93135	VƯƠNG HƯƠNG GIANG	22/9/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	Ngữ văn	12,00	K. Khích	Đức Chính
62	93138	LÊ THANH HUYỀN	18/6/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D3	Ngữ văn	11,25	K. Khích	Lê Hồng Phong
63	93139	TRỊNH THỊ KHÁNH HUYỀN	23/10/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D1	Ngữ văn	12,00	K. Khích	Bình Khê
64	93144	CHU THỊ THÚY NGÂN	17/12/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9D1	Ngữ văn	13,00	Ba	Bình Khê
65	93145	ĐÀO HÀ PHƯƠNG	09/10/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D1	Ngữ văn	11,50	K. Khích	Bình Khê
66	93147	NGUYỄN CHÍ THANH	26/4/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D1	Ngữ văn	12,00	K. Khích	Bình Khê
67	93149	VƯƠNG THỊ HẢI THANH	05/02/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Ngữ văn	11,75	K. Khích	Hưng Đạo
68	93153	TRỊNH THÙY TRANG	25/02/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D2	Ngữ văn	11,50	K. Khích	Kim Sơn
69	93155	NGUYỄN MINH TUẤN	25/6/2007	Thái Bình, Thái Bình	Kinh	Nam	9D2	Ngữ văn	11,50	K. Khích	Kim Sơn
70	93156	HOÀNG NGỌC YẾN	04/7/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9C	Ngữ văn	11,50	K. Khích	Nguyễn Đức Cảnh
71	93181	BÙI NGUYỄN QUỲNH ANH	16/11/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	11,50	K. Khích	Thủy An
72	93184	ĐOÀN ANH HÀ	31/3/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Địa lí	14,00	Nhì	Bình Dương
73	93186	TRẦN THỊ HỒNG HẠNH	03/7/2008	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8	Địa lí	10,75	K. Khích	Mạo Khê I
74	93187	PHẠM THÚY HẰNG	27/02/2009	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	7C	Địa lí	12,00	K. Khích	Hoàng Quế
75	93188	PHẠM NGỌC HUYỀN	17/6/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D1	Địa lí	11,75	K. Khích	Bình Khê
76	93191	ĐINH THÙY LINH	02/9/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	Địa lí	12,00	K. Khích	Bình Dương
77	93200	HÀ THỊ HƯƠNG THẢO	21/9/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	Địa lí	12,50	Ba	Mạo Khê I
78	93204	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	30/7/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D1	Địa lí	11,75	K. Khích	Lê Hồng Phong
79	93206	ĐẶNG THẢO CHI	18/4/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D2	Tiếng Anh	13,85	Ba	Mạo Khê II

TT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Môn thi	Điểm	Giải	Trường THCS
80	93207	NGUYỄN NGUYỄN CHUÔNG	10/9/2008	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nam	8C4	Tiếng Anh	11,75	K. Khích	Mạo Khê II
81	93220	HOÀNG PHÚ LƯƠNG	27/01/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D3	Tiếng Anh	12,40	K. Khích	Nguyễn Du
82	93224	CAO THẢO NGUYỄN	22/02/2008	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C4	Tiếng Anh	12,30	K. Khích	Nguyễn Du
83	93225	LÊ THÁI SƠN	07/8/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9A	Tiếng Anh	12,40	K. Khích	Đức Chính
84	93228	TRẦN PHƯƠNG THẢO	14/3/2007	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D2	Tiếng Anh	14,20	Ba	Mạo Khê II
85	93230	VŨ ĐỨC THỊNH	27/8/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Kinh	Nam	9D1	Tiếng Anh	14,95	Nhì	Nguyễn Du
86	93236	NGUYỄN MAI ANH	21/3/2008	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C5	Tiếng Pháp	14,15	Ba	Mạo Khê II
87	93237	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	16/01/2008	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C7	Tiếng Pháp	12,30	K. Khích	Mạo Khê II
88	93240	TẶNG THỊ DIỆU HẰNG	30/3/2008	Vĩnh Bảo , Hải Phòng	Kinh	Nữ	8C5	Tiếng Pháp	12,15	K. Khích	Mạo Khê II
89	93242	BÙI NGỌC KHÁNH	02/9/2008	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C5	Tiếng Pháp	14,35	Nhì	Mạo Khê II
90	93245	NGUYỄN BÙI YẾN NHI	20/12/2008	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C5	Tiếng Pháp	13,05	Ba	Mạo Khê II
91	93247	ĐÀO PHƯƠNG THẢO	22/9/2008	Uông Bí , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C5	Tiếng Pháp	12,30	K. Khích	Mạo Khê II
92	93248	TRẦN ĐỨC THỊNH	24/5/2008	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nam	8C7	Tiếng Pháp	13,25	Ba	Mạo Khê II
93	93249	NGUYỄN CÔNG THƯ	30/01/2008	Phù Cừ , Hưng Yên	Kinh	Nam	8C7	Tiếng Pháp	12,20	K. Khích	Mạo Khê II
94	93253	NGUYỄN HOÀNG HẢI YẾN	04/01/2008	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C5	Tiếng Pháp	13,10	Ba	Mạo Khê II
95	93258	PHẠM THỊ NGỌC BÍCH	10/01/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9A	GDCD	12,75	Ba	Xuân Sơn
96	93260	VŨ KIM CHI	10/3/2007	Uông Bí, Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9D	GDCD	10,75	K. Khích	Hồng Thái Đông
97	93264	LÊ HẢI HÀ	03/4/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9B	GDCD	10,75	K. Khích	Hưng Đạo
98	93266	HOÀNG THIÊN KHUÊ	28/7/2007	Đông Triều, Quảng Ninh	Tày	Nữ	9	GDCD	13,00	Ba	Tràng Lương
99	93267	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	19/02/2007	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	9	GDCD	11,25	K. Khích	Thủy An
100	93268	NGUYỄN THÙY LINH	14/5/2008	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8B	GDCD	11,75	Ba	Nguyễn Đức Cảnh
101	93281	CHU THỊ HÀ VY	10/01/2008	Đông Triều , Quảng Ninh	Kinh	Nữ	8C	GDCD	11,50	K. Khích	Nguyễn Đức Cảnh

(Danh sách trên có 101 học sinh)